

Trí thức miền Nam Hai mươi năm nhập cuộc

(1955-1975)

“Đôi khi lịch sử cũng ban thưởng cho kẻ cứng đầu, và một hòn đá đặt đúng chỗ, có thể chuyển hướng cả một dòng sông”

Mounier.

Tôi tình cờ đọc bài: Văn Miếu ở Nam Kỳ của cụ Phan Văn Hùm viết trong báo Tri Tân Tạp Chí, số 144, ngày 01-05-1944,1 một vài nhận xét về giới trí thức ở Nam Kỳ xin ghi lại như sau: *Dưới triều Nguyễn, ở Nam kỳ có đỗ đạt chỉ lựa thưa vài bốn ông Tiến sĩ, mà Phan Thanh Giản là được sự nghiệp hiển hách hơn cả Rôi trường Cao đẳng, rồi trường Cao học, rồi trường Đại Học, lần hồi thiết lập, đều ở cả tại Hà thành. Người đỗ đạt cao ở bên Pháp về như các ông Ngụy Như Konoum, Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Mạnh Tường, Nguyễn Văn Nguyên, Ngô Đình Nhu v.v... đều cũng là ở Trung, hoặc ở Bắc... Cho đến văn sĩ, thi sĩ, nghệ sĩ, tài tình, tự tu sau buổi ra trường cao tiểu học hoặc trung học, cũng không phải ở Nam Kỳ mà có.

Vô duyên thay xứ Nam Kỳ. Tôi muốn nói vô duyên với sự học thời kim như thời cổ.*

Nhận xét có đôi phần chua xót phản ánh một phần sự thật ở vào những thời kỳ nhất định của xứ Nam Kỳ. Nhưng nó cũng cho thấy rằng, cụ Phan Văn Hùm đã hiểu nghĩa người trí thức ở phần thông tục theo nghĩa đời thường. Theo nghĩa đó, người trí thức là người có bằng cấp cao. Trong khi đó, nếu hiểu trí thức là một thái độ trí thức, một ý thức, một suy tư, một thao thức trước một hoàn cảnh xã hội, chính trị thì cụ Phan Văn Hùm lại là người trí thức hơn ai cả. Chỉ nói về bằng cấp thôi thì cụ Phan Văn Hùm đã có bằng Cao học Triết học (Diplôme d'études Supérieures de Philosophie). Nhưng quan trọng hơn cả là cuộc đời dấn thân làm chính trị, đấu tranh cho quyền lợi của đất nước cùng với vô số trí thức miền Nam khác.

Nói như thế thì trí thức miền Nam nào có thiếu? Họ nhiều lắm. Đó là những Tạ Thu Thâu, Hồ Hữu Tường, Lê Bá Cang, Trần Văn Chiêu, Nguyễn An Ninh, Phạm Ngọc Thạch, Hồ Văn Ngà, Phan Văn Chánh, Huỳnh Văn Phương, Trần Văn Thạch, Trần Văn Sĩ, Hồ Hữu Tường, Đào Hưng Long, Lưu Sanh Hạnh, Nguyễn Văn Lịnh, Trần Đình Minh, tự Nguyễn Hải Âu, Lương Đức Thiệp, Lý Vĩnh Khuôn, Lê Quang Lương, tự Bích Khê, Nguyễn Văn Quá, Nguyễn Văn Tiên, Edgar Ganofsky (1880-1943, chủ trương tờ La Voix Libre, quản lý tờ La Lutte, tờ Tia Sáng, bị kết án tù 10 năm biệt xứ)... tất cả những vị trên đều là những người trí thức hàng đầu của miền Nam vào những thập niên 1930-1955.

Bài viết sau đây mong muốn nhìn lại người trí thức miền Nam ở vào một giai đoạn khá đặc biệt: giai đoạn đất nước chia đôi. 1955-1975... Họ là những ai? Họ đã làm những gì? Như trong câu nói của Mounier trích dẫn ở trên, trí thức miền Nam cần một kẻ cứng đầu, và một hòn đá đặt đúng chỗ có thể chuyển hướng cả một dòng sông? Trí thức miền Nam có thể nào kiếm ra được một hòn đá có thể chuyển hóa cả một dòng sông?

1.- Trí thức miền Nam, giai đoạn 1955-1960.

A.- 1955-1960: Thời kỳ đầu ổn định.

Sau Hiệp định Genève 1954, hai miền Nam Bắc trở thành những kẻ đối đầu như một thứ nội thù. Hãy nhớ lại, sau cuộc di cư của một triệu người miền Bắc, từ đây đánh dấu một danh xưng mới: Miền Nam và Miền Bắc. Ngăn cách bằng dòng sông Bến Hải. Danh xưng này nhắc nhở cho mọi người không phải chỉ ngăn cách bằng biên giới sông Bến Hải mà biên giới in sâu khảm vào tâm thức mỗi người: Bên kia là Bắc, là Cộng Sản, là kẻ thù. Bên này, quốc gia chống Cộng.

Như thể không còn là người Việt với nhau, nhiều lúc có cảm tưởng là có hai nước Việt Nam nữa. Cần nhắc lại, khi ông Diệm về nước nhận chức Thủ Tướng, miền Nam đang ở bên bờ vực thẳm về chính trị, kinh tế và sự đe dọa của các thế lực khuynh đảo bên trong lẫn bên ngoài. Lúc bấy giờ, chỉ cần ổn định được tình hình thì đã là một cứu tinh... Stephen Pan, trong Viet Nam crisis đã nhận xét: “Ngô Đình Diệm assumed the prime ministership in 1954 when his country was facing economic chaos, political instability, and external subversion, not on a massive scale, but on a scale that kept increasing intensity... He led South Viet Nam through its initial crises, changed it from a monarchy to a republic, and built up the first national loyalty its people ever knew.”²

Sau khi ổn định được miền Nam, người ta có cảm tưởng miền Nam, chính thể Ngô Đình Diệm ở thế mạnh, có thể đương đầu được với miền Bắc. Theo Giáo sư Vũ Văn Mẫu: * Trong cuộc trưng cầu dân ý được tổ chức vào ngày 23-10-1955, không ai có thể chối cãi rằng tất cả đa số, nếu không muốn nói ít nhất 80% các đồng bào đã đi bỏ phiếu cho Thủ Tướng Ngô Đình Diệm giữ chức vụ Quốc Trưởng tại miền Nam Việt Nam, thay thế Cựu Hoàng Bảo Đại bị truất phế, thuộc thành phần Phật tử. Chính Ngô Đình Diệm như đã ghi chép trên đây, đã ghi nhận sự thật hiển nhiên ấy*³

Cũng trong tinh thần đó, Giáo sư Mẫu ghi nhận người ta đánh giá: ông Diệm, vị tân thủ tướng cũng như người ta đã nêu lên quá khứ trong sạch của Ngô Đình Diệm khi làm việc quan và tính tình khí khái của ông khi từ chức Thượng Thư Bộ Lại trong nội các đầu tiên của Bảo Đại*.⁴

Trong giai đoạn này, chính phủ NĐD đã giải quyết và ổn định số người di cư, giải quyết xong vấn đề giáo phái, ổn định kinh tế và phát triển đào tạo giáo dục. Theo GS Lý Chánh Trung, có khoảng gần 200 trường Trung Học đã được xây dựng dưới thời ông Diệm cho các tỉnh lỵ và quận lỵ. Ngay cả ở những vùng xa xôi, hẻo lánh và nghèo nàn như Gio Linh, Bồng Sơn, Cà Mau, Trà Ôn v.v... đều có trường học.⁵ Về an ninh, vào năm 1956, 90% cán bộ Việt Minh ở hạ tầng bị tiêu diệt.⁶ Chẳng hạn, tại trại tù Chí Lợi ở Bình Dương là nơi đã tập trung đến 6000 chính trị phạm Cộng Sản bị bắt giam. (Theo Chính Đạo, trong Việt Nam niên biểu)

Nhưng, đặc biệt ở miền Trung, cán bộ của Ông Cẩn tiêu diệt gần như toàn bộ Cán bộ Cộng Sản nằm vùng... Điều mà chính những người đi kháng chiến sau này đã tiết lộ ra như vậy. Điều mà trước đây, người Pháp đã không bao giờ làm được. Trong những năm đầu của ông Diệm, người ta có thể đi suốt từ Cà Mau đến Bến Hải một cách an toàn. Thôn quê tương đối yên lành. Trong khi đó, miền Bắc sau 1954 rơi vào tình trạng đói kém mà nếu không được Liên Xô viện trợ gạo từ Miền Điện thì đã lâm vào cảnh đói kém?

Ở thời kỳ đầu của của những thập niên 1955-1960, chúng tôi nhìn thấy rõ một điều này: Đây là nơi biểu tượng cho hai thế lực, hai thứ chủ nghĩa muốn chứng tỏ cho thế giới thấy là chúng tôi có chính nghĩa. Bên kia, lãnh tụ là ông Hồ với đảng Cộng Sản. Bên đây, có ông Diệm với chủ nghĩa Quốc Gia. Như Edward Miller nhìn nhận. Ông Diệm cũng muốn trở thành một thứ Hồ Chí Minh ở miền Nam: Ngô Đình Diệm was a dreamer, As ruler of South Viet Nam from 1954 to 1963, Diệm aspired to greatness as a nation builder, and he was determined to find an alternative to the path taken by Hồ Chí Minh and the Vietnamese Communists.⁷

Các trí thức miền Nam lúc đó, các nhà văn, nhà báo chọn phía bên này cũng tin họ có một ý thức hệ, có một thứ chủ nghĩa tự do đối đầu với chủ nghĩa độc tài Cộng Sản. Có thể nói, giai đoạn đầu từ những năm 1956 trở đi, sự tin tưởng vào thể chế miền Nam, vào một thứ chủ nghĩa Quốc Gia là điều không thể chối cãi được. Mai Thảo trong tờ Tạp chí Sáng Tạo số đầu đã viết một cách hào khí trong bài Sài Gòn thủ đô Văn Hóa Việt Nam như sau:” Sài Gòn thay thế cho Hà Nội, từ một đô thị miền Nam trở thành thủ đô tinh thần của toàn thể đất nước, Sài Gòn sáng tạo và suy tưởng” (số 1, 1956). Cùng với Sáng Tạo, vô số báo chí, nguyệt san ra đời như tạp chí Quê Hương của Giáo sư Nguyễn Cao Hách, Văn Hóa Á Châu của cụ Nguyễn Đăng Thục, Tin Sách do G.S Thanh Lãng phụ trách, Luận Đàm của Tổng Hội giáo giới với các cụ Thẩm Quỳnh và Nghiêm Toàn. Bách khoa (1957) của nhóm Huỳnh Văn Lang. Sau đó tiếp theo Hiện Đại của thi sĩ Nguyễn Sa, Thế Kỷ hai mươi của Giáo sư Nguyễn Khắc Họach.

Trong số những nhà trí thức trong thời kỳ này, một phần khá lớn từ Bắc di cư vào Nam. Một số họ là những nhà văn, nhà thơ tiến chiến như Nhất Linh Vi Huyền Đắc, Lê văn Trương, Vũ Hoàng Chương,

Đỗ Đức Thu. Còn lại là những người như Tạ Ty, Nguyễn Sĩ Tế, Võ Phiến, Mai Thảo, Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Thái Tuấn, Doãn Quốc Sĩ, Nguyễn Mạnh Côn, Lê Văn Siêu, Hoàng Minh Tuynh, Nghiêm Xuân Hồng, hoặc trẻ hơn nữa như Thanh Tâm Tuyền, Quách Thoại, Tô Thùy Yên, Vũ Hạnh, Thảo Trường, Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung, Phạm Ngọc Thảo, Nguyễn Sa Trần Bích Lan và Nhật Tiến. Họ hầu hết được coi như Trí Thức tiểu tư sản tiêu biểu của miền Nam Việt Nam.

Hầu hết những báo chí trên đều chủ trương một lập trường phi chính trị. Họ chủ trương làm văn nghệ thuần túy. Họ tránh né những vấn đề chính trị và chủ trương làm văn học thuần túy. Chính trị là chính trị, văn học là văn học. Nghĩa là không muốn dính dáng đến chế độ: Nhiều người sau này không theo chính quyền Ngô Đình Diệm mà cũng không chống, hay muốn chống mà chưa tiện để chống, chưa dám chống công khai. Vì thế, họ không ưa những báo do nhà cầm quyền bảo trợ như tờ Văn Đàn của nhóm Tinh Việt Văn Đàn, do Phạm Đình Tân, Phạm Đình Khiêm chủ trương. Tờ Văn Đàn ra mặt ủng hộ ông Ngô Đình Diệm được coi là báo chính quyền nên ít ai muốn đọc, hầu như bị tẩy chay. Báo ra bán không ai mua. Hoặc tờ Nhân Loại, thân với kháng chiến.

Trong số họ, một số trí thức đã truyền bá một thứ Triết Lý Hiện Sinh phi chính trị và được giới trẻ tin tưởng và noi theo. Người viết đã có dịp nói tới vấn đề này trong bài viết: “Những người con hoang của J.P.Sartre”. Vì thế, để áp dụng cái lập trường phi chính trị này, các trí thức, sinh viên thời đó say mê và trình bày thứ Triết lý hiện sinh trường ốc, nặng về mặt Triết học. Một thứ triết lý hoài nghi, phủ nhận mọi hệ thống giá trị đạo đức, tôn giáo. Nhất là chống lại cái mà họ cho là nghiêm chỉnh, chống lại cái gọi là “esprit du sérieux”.⁸

Đã có cả một thời kỳ mà giới trí thức sinh viên miền Nam đua theo thứ triết lý này, thứ triết lý ở cái phần via hè của nó, một thứ triết lý chán đời, hoài nghi, buông xuôi, vốn chẳng có ăn nhập gì đến thứ Triết Lý Hiện sinh của Sartre cả.

Trên đây là tóm tắt sắc thái đặc biệt của trí thức miền Nam trong giai đoạn này. Một thứ trí thức tiểu tư sản, sống căng dây giữa cái đầu và cái dạ dày. Sau này, Cộng Sản do sợ hãi quá đáng, hoặc muốn đe răn cảnh cáo đã xếp một số họ vào thứ thành phần trí thức nguy hiểm nhất, một thứ biệt kích Văn Nghệ Miền Nam.

Sự đánh giá đó có phần sai trệch nếu không nói là tuyên truyền.

Rồi do cách thức đào tạo người trí thức, do tiếp xúc với trào lưu tư tưởng văn hóa Tây Phương, những người trí thức trẻ đã mau chóng nhận thức ra rằng: không phải như vậy, chế độ cầm quyền của ông Diệm đã phạm nhiều lỗi lầm đụng chạm đến tôn giáo, tín ngưỡng của Việt Nam. Từ đó nổ ra những cao trào tranh đấu đi đến lật đổ chế độ ấy. Điều đó cũng cho thấy rằng, ở miền Nam ít ra còn có cái quyền

được đòi hỏi, được chống đối. Bài học dân chủ mới bắt đầu làm nảy sinh ra nhiều xáo trộn không tránh được ngay sau đó...

Có lẽ giữa Bắc-Nam có một điều khác biệt duy nhất: Miền Bắc mãi mãi bị bắt buộc, bị nhồi sọ phải tin tưởng tuyệt đối vào đường lối của Đảng. Trong Nam, ít ra còn có cái quyền tin hay không tin và ngay cả cái quyền được phản đối.

Vì thế, sự xáo trộn chính trị trong Nam gián tiếp cho thấy ít ra ở đó người dân còn có được cái quyền phản kháng.

Trong khi đó ở miền Bắc, ngoài nạn đói kém, chính quyền Cộng Sản đã phạm phải những sai lầm nghiêm trọng về cải cách ruộng đất và vụ Nhân Văn Giai Phẩm, sau đó vụ nổi dậy ở Quỳnh Lưu. Nhưng dưới chế độ toàn trị, họ đã giải quyết và dẹp yên được những mầm mống chống đối bằng trấn áp, bạo lực và đe dọa. Nhưng, ở trong Nam, chính quyền đã lợi dụng dịp này bôi đen chế độ miền Bắc với sự ấn hành sách Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc (Toàn bộ nhận định và tài liệu dẫn chứng về vụ án Nhân Văn, Giai Phẩm tại miền Bắc Việt Nam... do Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa xuất bản) và bộ phim Chúng tôi muốn sống... Những hình ảnh đó, dân chúng miền Nam khó quên được. Người ta bắt đầu ghê sợ chế độ CS thông qua sự tuyên truyền này.

Trong 20 năm đó, mỗi bên đã hình thành một sắc thái văn hóa riêng, một nền giáo dục riêng với những thể hệ thanh niên được đào tạo khác biệt. Một sinh viên được đào tạo trong Nam đã khác hẳn một sinh viên ngoài Bắc về tinh thần làm việc, về ý thức dân chủ, về ý thức tự do, về quyền làm người, về những giá trị nhân bản và nhất là một quan niệm về con người. Đây là một khác biệt sâu xa đánh dấu bản sắc con người giữa hai miền mà người ta ít lưu tâm tới.

Cũng chính nhờ ở chỗ được đào tạo trong cái khuôn khổ về những giá trị nhân bản đó sau này sẽ là mầm mống cũng như động lực đẩy lên những đòi hỏi tự do, bình đẳng tôn giáo cũng như những giá trị nhân bản khác. Bề ngoài được coi như xáo trộn bất lợi, hay như những bất ổn chính trị làm lung lay thể chế chính trị. Nhiều người đã lo âu cho số phận miền Nam như thế. Chúng ta không phủ nhận điều đó.

Nhưng xáo trộn lại là dấu hiệu của một sinh hoạt Dân Chủ, Tự Do. Cái giá phải trả là các thể lực chính trị đã lợi dụng, người Mỹ dính tay vô một cách thô bạo trà trộn, đã khuynh đảo và làm tan nát thể chế miền Nam và cuối cùng là một sự bỏ cuộc vô điều kiện đến tro chèn như một phản bội.

B- 1955-1960: Sự thiếu vắng giới trí thức cách mạng của miền Nam.

Một trong những lý do gây ra những khủng hoảng chính trị sau này của miền Nam là sự thiếu vắng một nhà lãnh đạo, thiếu vắng một lớp người trí thức có vốn liếng cách mạng và có lòng với đất nước. Đó là

sự thiếu vắng những hòn đá tảng có thể làm chuyển hướng một dòng sông. Kiểm môi mắt cũng không có. Không có những trí thức dân thân, làm cách mạng xã hội, đứng về phía người dân, phía người nghèo... Chỉ biết Chồng Cộng sông thì có ích lợi gì?9

Miền Nam, không thiếu người tài giỏi, dư là khác so với miền Bắc... Nhưng thiếu một lý tưởng, một ý thức hệ và một giới trí thức cách mạng. Lý tưởng “chống Cộng”, “tiền đồn của thế giới tự do” chỉ tồn tại được vài năm đầu, sau đó tàn lụi. Kế đến là thiếu lãnh đạo Cách Mạng... Không lạ gì Lý Chánh Trung sau này chỉ lạy Trời cho miền Nam được một nhà lãnh đạo mà cái bụng nhỏ nhỏ một chút, đi bằng hai chân. Vậy mà không được...

Đó là tình trạng của giới trí thức miền Nam sau 54.

Giải thích về sự thiếu vắng giới trí thức miền Nam thì có nhiều lý do lắm. Có thể là vì một phần họ bị Pháp bắt và giết hại, hoặc bị chết trong tù, hoặc bị đi đày... Từ 1940 đến 1945, không cần xét xử, có khoảng hơn 2000 người bị tổng giam hoặc tổng vào các đoàn lao động đặc biệt (formations spéciales de travailleurs), hoặc bị đày đi Nôtsi-Lava ở phía Bắc Madagasca. Trong Hồi ký của cụ Nguyễn Thế Truyền có ghi như sau:* Vào khoảng 1940-47, chúng tôi bị thực dân Pháp phát vãng ở một hòn đảo nhỏ gần Madagascar. Cùng trong số phạm này có 10 đồng bào miền Nam kể cả Đức Giáo Chủ Cao Đài Phạm Công Tắc, 8 đồng bào miền Bắc trong số ấy có một người Thổ, một người Nùng.*¹⁰

Những chức sắc của các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo bị tình nghi, bị xếp vào loại những phần tử nguy hiểm cho an ninh công cộng đều bị chuyển đến các trại tập trung tại núi Bà Rá và Tà Lài Biên Hòa, vùng rừng sâu nước độc, vô phương sinh sống...

Một phần không nhỏ khác thì bị thủ tiêu. Lần lượt những nhà trí thức ái quốc miền Nam như Bùi Quang Chiêu, Hồ Văn Ngà, Trần Quang Vinh, Bác sĩ Hồ Vĩnh Ký và vợ là bác sĩ Nguyễn Thị Thương, Huỳnh Phú Sổ, Lê Kim Ty, Huỳnh Văn Phuong, luật sư Dương Văn Giáo, nhà báo Diệp Văn Kỳ, Lê Văn Vững (sau này con của ông Lê Văn Vững là Tiến sĩ Lê Tuấn Anh, giữ chức Tổng Trưởng Canh Nông). Ai thủ tiêu? Cứ không theo Việt Minh thì sớm muộn cũng bị thủ tiêu. Đó là cái sai lầm của trí thức miền Nam dễ tin và bị lừa gạt. Để xác định cho rõ thêm trách nhiệm về những vụ thủ tiêu, ám sát những nhà trí thức trên, ông Trịnh Hưng Ngẫu, trong một dịp gặp Trần Văn Giàu ở Thái Lan đã cho biết, Ông Giàu đã khoe là ông có danh sách hơn 200 người cần thủ tiêu, nhưng chưa thi hành kịp (?)¹².

Phần khác do có sự tranh chấp giữa đệ tứ, xu hướng Troski và đệ tam, nhóm Stalin đã đưa đến các cuộc thanh toán nhau. Nhóm đệ tam gồm Trần Văn Giàu, Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tạo coi như có trách nhiệm về những cái chết của Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm. Tàn bạo ở đây là Cộng Sản thủ tiêu Cộng Sản, thủ tiêu chính những người đồng chí của mình... Xin xem thêm Hồi ký của

Nguyễn Kỳ Nam, Hồi ký 1925-1964. Hồi ký NKN ghi lại là: “Ngoài sự bắt bớ của chính phủ, bọn Stalinien quyết đồ sát Tạ Thu Thâu. Ấy là, chính ở Paris mà bọn Stalinien mưu đồ sát hại Tạ Thu Thâu, người bạn của chúng ta chỉ còn trông cậy có chúng ta, hy vọng ở chúng ta... Ký tên Daniel Guérin”¹³. Và sau đây là trường hợp của Phan Văn Hùm: * Hùm lên miền Đông gặp Dương Bạch Mai, nói hẳn rằng: “Trước chúng ta bất đồng ý kiến về Chánh trị. Nay, nước nhà đương cần đoàn kết chống Thực Dân, tôi tin rằng anh sẽ bỏ qua việc của Dương Bạch Mai không trả lời, nhưng lại chỉ cho Hùm vào một phòng bên trái, tức là nơi “một vào không ra nữa được”, người ta gọi là cửa tử. Thật vậy, hai hôm sau, Phan Văn Hùm bị thủ tiêu”.¹⁴

Tài liệu chính thức của đảng Cộng Sản cũng gián tiếp xác nhận điều đó bằng cách lên án các hoạt động của nhóm Troski là “phản cách mạng”: “chính quyền nhân dân đã trừng phạt chúng để làm gương” Chúng ở đây ám chỉ bọn Troski. Trừng phạt ở đây phải được hiểu là bị ám sát, thủ tiêu*¹⁵

Theo như lời của Ông Nguyễn Văn Trấn, một người Cộng Sản Đệ Tam vẫn được coi là “hung thần chợ Đệm” đã tố cáo chính quyền Cộng Sản miền Bắc “Các ông đã ám hại bao nhiêu nhân tài miền Nam, còn đâu người để giúp các ông?”. Lời tố cáo tuy muộn, nhưng thật cần thiết phải hỏi một lần cho xong. Nhưng câu hỏi có thể chính ông Nguyễn Văn Trấn đã có câu trả lời. Bởi vì, ở thời kỳ đó chính ông Trấn, với tư cách là một cán bộ thừa hành, Ông đã có trách nhiệm trong việc thủ tiêu, ám sát các nhà trí thức miền Nam... Trong cuốn sách của ông, có vẻ như ông muốn tránh nói tới vai trò của ông trong việc thủ tiêu, ám sát, bởi vì ông không muốn nhận cái trách nhiệm bội bạc đó.

Nhìn lại giai đoạn này, tôi đành lòng nghĩ rằng, những người Cộng Sản đệ tam, theo đường lối sắt máu của Stalin thật sự đã có tội đối với Lịch sử dân tộc Việt Nam. Họ đã đem ra truyền một thứ chủ nghĩa bạo lực để quyền lợi đảng mình lên trên quyền lợi dân tộc. Việc giết hại những nhà trí thức yêu nước thuộc đủ thành phần đã làm trì trệ tiến trình giải thực và hao mòn tinh lực của cả một dân tộc. Mỗi người trí thức bị thảm sát là cộng thêm một tội đối với đất nước, bởi vì rằng những người trí thức đó bị chết đi chỉ vì không đồng quan điểm với người Cộng Sản Đệ Tam. Nay, những người như ông Trần Văn Giàu, kẻ trách nhiệm chính về những vụ thảm sát này giữ im lặng? Bao giờ thì ông lên tiếng một lần cho xong? Thế là miền Nam mất những hòn đá tảng, mất những kẻ gan dạ và can đảm có thể chuyển hóa được một dòng sông?

Vì những lý do vừa nêu trên, không lạ gì có một khoảng trống trí thức miền Nam theo nghĩa thiếu vắng những người có một vốn liếng tranh đấu chính trị, có quyết tâm đem cả cuộc đời ra phụng sự đất nước.

Stanley Karnov trong chương viết về ông Diệm cũng đã có cùng một quan điểm như sau: Vào năm 1954, sau Hiệp định Genève, thật hiếm có một người Quốc Gia nổi tiếng ở bên ngoài hàng ngũ của Việt Minh. Rất nhiều người đã bị khai trừ bởi người Cộng Sản hay người Pháp, còn những người khác thì rút

lui khỏi đời sống chính trị. Một số người khác thì sang lập nghiệp bên Pháp tổ chức những buổi họp vô bổ, ra những tuyên cáo vô nghĩa, dựng những âm mưu chính trị từ vỉa hè các quán cà phê. Ông Diệm là người phải lấp đầy cái khoảng trống đó... Mặc dầu ông là người có một quá khứ trong sạch, ông không có vóc dáng của một người lãnh đạo quốc gia*16.

Nhận xét trên của Stanley Karnow mô tả đúng thực trạng trí thức miền Nam sau năm 1954. Những vị Thủ tướng trước 1954 như Nguyễn Văn Xuân, (được coi là lá bài sáng giá nhất, ngay cả trong trường hợp có thể thay thế ông Diệm) Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm, Bửu Lộc đều bị từ chức và thay thế về những bất cập chính trị hay khả năng yếu kém không giải quyết được những nan đề chính trị, xã hội đặt ra. Thật khó kiếm được một nhân vật tiêu biểu có tầm cỡ và khả năng để đứng ra lãnh trách nhiệm lãnh đạo miền Nam... Nhiều người đã tiên đoán, sau Hiệp định Genève, đó chỉ là một giai đoạn triển hạn cho một sự xâm chiếm toàn vẹn của những người Cộng Sản.

Ông Diệm trở thành nhân vật tiêu biểu cần thiết ở thời kỳ đó. Ngay chính bản thân ông Diệm, đáng nhẽ cũng đã bị thủ tiêu bởi Hồ Chí Minh, sau khi ông từ chối hợp tác với những người Cộng Sản. Nhưng không biết vì lý do gì, Hồ Chí Minh sau đó đã thả để ông ra về không giết. Sau này Karnov trong một buổi nói chuyện với Hoàng Tùng vào năm 1981 tiết lộ cho biết:* *Considérant les événements qui suivirent, relâcher Diệm fut une erreur**. Xét tình thế lúc đó, thả Diệm là một điều sai lầm.¹⁷

Phải chăng chính cái *erreur* đó mà diễn biến lịch sử 9 năm cầm quyền của ông Diệm đã chấm dứt một cách bi thảm bằng cái chết của ba anh em dòng họ Ngô?

Như đã nói ở trên, vì giới trí thức miền Nam sau 1955 đều thiếu cái vốn cách mạng, thiếu cái quá khứ dạn dày trong đấu tranh, thiếu chứng chỉ ở nhà tù nên phần đông những người ra nắm bộ máy chính quyền đều là những chuyên viên, những người có nghề nghiệp chuyên môn như kỹ sư, luật sư, bác sĩ, giáo sư. Hoặc một số trí thức salông. Trong danh sách nội các đầu tiên của ông Diệm, ngày... 7-1954, người viết thấy có ba bác sĩ, bốn luật sư, hai giáo sư, hai kỹ sư, một đốc phủ sứ, một cán sự công chánh, một chuyên viên phòng thí nghiệm sinh hóa ở Pháp. Những chuyên viên này có thể chỉ thích dụng trong một thời kỳ đất nước thanh bình, nhưng lại tỏ ra lúng túng và bất động trong một hoàn cảnh đất nước phân đôi. Một đất nước cần một cuộc cách mạng xã hội toàn diện. Đã vậy, giữa sự đòi hỏi dân chủ, tự do và sự an ninh, ổn định của một chính quyền... Điều nào là ưu tiên?

Ý thức về dân chủ, về quyền tự do tư tưởng hay phát biểu, ý thức những quyền căn bản về quyền làm người, ý thức về sự tranh đấu chính trị bằng những hình thức dân chủ như vận động quần chúng, biểu tình, xuống đường, đình công bãi thị, ra tuyên ngôn v.v... so với sự sống còn của miền Nam. Điều nào nên chọn, nên hy sinh?... Trong những chùng mực nào những hình thức chống đối trên được cho phép hoặc không cho phép? Có thể thực hiện hay không thể thực hiện được? Có thể thực hiện song hành vừa

phát triển ý thức dân chủ, bất kể là bất cập hay quá độ, vừa muốn duy trì một tình trạng ổn định xã hội, chính trị để có thể đương đầu với một miền Bắc toàn trị? Có thể cần một thứ độc tài giai đoạn để làm công cuộc cải cách xã hội thay vì hô hào đòi hỏi thực thi dân chủ? Khi mà sự đe dọa sống còn của miền Nam là phải tránh cho bằng được tình trạng xáo trộn? Bởi vì đó là cơ hội duy nhất để có thể để mất miền Nam vào tay Cộng Sản..? Đây là bài toán nhức đầu cho những ai cầm quyền ở Việt Nam và cho cả những nhà trí thức sau này dần thân nhập cuộc bằng những hình thức chống đối chính quyền. Có thể cùng một lúc tiến hành dân chủ và duy trì một thể chế, một chính quyền mạnh ở miền Nam để có thể đương đầu với chính quyền miền Bắc? Chọn lựa nào sẽ là ưu tiên hàng đầu?

Các nhà làm chính trị, các nhà trí thức miền Nam, các nhà lãnh đạo chính quyền đều không có câu trả lời cho một tiến trình dân chủ, đồng thời một tình trạng ổn định cần thiết để tránh sự sụp đổ chế độ miền Nam? Đã có những lúc, miền Nam rơi vào tình trạng vô chính phủ, một đe dọa nội chiến vào thời kỳ có cuộc khủng hoảng chính trị ở Đà Nẵng và Huế?

Giai đoạn 2. 1960-1963. Tuyên ngôn Caravelle

A.- Một thách đố dân chủ

Thời kỳ ổn định chính trị và phát triển của ông Diệm kéo dài không được bao lâu. Những người dân cũng như giới trí thức đã có dấu hiệu cho thấy những bất mãn không tránh được. Ông Bùi Diễm có kể lại ông dạy tư tại trường Phan Sào Nam mà từ Hiệu Trưởng đến Giáo sư đều chống chính phủ. Đến giờ giải lao là quý vị giáo sư, phần đông là người của các đảng phái như Duy Dân, Đại Việt, hệ phái QĐĐ của Nhất Linh hay của Vũ Hồng Khanh xung quanh chén trà để kể lại những mẩu chuyện hoặc chỉ trích chính phủ.. 18 Trong số đó có những giáo sư như Vũ Khắc Khoan, Phạm Văn Tâm, tự Thái Lãng Nghiêm (nghị sĩ) và Nguyễn Phan Châu... Đặc điểm là thời VNCH, có một cố giáo sư đi dạy tư là để chờ thời, để nghe ngóng, để chuẩn bị làm một cái gì khi thời cơ đến. Phần đông bọn họ là người của các đảng phái...

Theo Stanley Karnow, ông đã thăm nhiều vùng và đi đến đâu cũng thấy có chuyện tham nhũng. Người dân bắt đầu mất tin tưởng vào chính quyền. Những năm tháng tốt đẹp của nền đệ nhất cộng hòa bắt đầu có vết rạn nứt.

Mặc dầu, ai cũng thừa nhận rằng cho đến lúc này cuộc sống của người dân đã có nhiều cải tiến... Về mặt giáo dục, các trường tiểu học, trung học đã được thiết lập từ cấp tỉnh đến quận... Y tế cũng vậy, mỗi tỉnh đều có trạm y tế và nhà thương. Vấn đề đào tạo các giáo viên, y tá, cán sự y tế, giáo sư trung học được

thúc đẩy mạnh. Các trường đại học, trường kỹ thuật, trường Quốc Gia Hành Chánh, các trường sĩ quan, mỗi năm đã đào tạo được một số lượng chuyên viên, sĩ quan đáp đủ nhu cầu của đất nước.

Nhưng cạnh đó, việc phát triển giáo dục đã đào tạo ra một lớp thanh niên trí thức trẻ thành thị. Các trào lưu tư tưởng Tây Phương, các chủ thuyết mới như chủ nghĩa Hiện Sinh và ngay cả chủ nghĩa Cộng Sản được tiếp thu và giảng dạy một cách rộng rãi. Thêm vào đó các tiếp cận văn hóa đủ loại với văn học ngoại quốc do việc đọc trực tiếp nguyên bản hay dịch ra.

Giới thanh niên trí thức thành thị ở miền Nam tương đối có được một nếp sống văn hóa cao. Cũng vì thế, họ nhạy bén với các vấn đề chính trị thế giới, các thể chế độc tài hay dân chủ, số phận các nước kém mở mang và các nước nhược tiểu..

Chính những lớp thanh niên, trí thức trẻ được đào tạo dưới thời ông Ngô Đình Diệm sau này là những thành phần chủ lực trong các phong trào đòi hỏi dân chủ, xuống đường cũng như trong biến cố Phật đản 63 sau này. Lần đầu tiên ở miền Nam có hiện tượng Trí Thức đám đông, cùng đứng chung trong một hàng ngũ, tranh đấu cho một mục đích chung... Điều mà ở miền Bắc, do đào tạo và do chế độ toàn trị, đã không bao giờ có một đội ngũ trí thức như thế.

Sau Bài diễn văn của L.S Nguyễn Mạnh Tường và vụ Nhân Văn Giai Phẩm... từ ngữ trí thức bị xóa sổ ở miền Bắc.

Đây là lần đầu tiên những thành phần thanh niên trí thức đã bày tỏ sự bất mãn của mình. Vào tháng Tám năm 1959 khi chính quyền Ngô Đình Diệm tổ chức các cuộc bầu cử dân biểu Quốc Hội. Các quan chức địa phương đã thúc ép dân chúng phải bầu cho người này, không bầu cho người kia, hoặc như ở Sài Gòn thì vô hiệu hóa một số phiếu bầu của người đối lập. Trường hợp Bác sĩ Phan Quang Đán và ông Nguyễn Trân khi hai ông này đắc cử vào Quốc Hội miền Nam với tỉ lệ nhiều phiếu nhất đã bị loại trừ. Phan quang Đán đắc cử ở quận 2, nhưng bị tuyên bố bất hợp lệ.

Bài học dân chủ qua cuộc bầu phiếu dân biểu Quốc Hội biến thành cuộc vận động chống độc tài dân chủ một mình...

Đây là lá phiếu bất tín nhiệm đầu tiên của người trí thức miền Nam chống chính quyền Ngô đình Diệm. Đây cũng là một hình thức chống đối dựa trên những nguyên tắc dân chủ của một số trí thức đại diện cho cả miền Nam.

Về phần giới trí thức, nếu giai đoạn 1955-1960 cho thấy vai trò và sự đóng góp của họ về mặt Văn hóa thì đây là lần đầu tiên, họ đóng vai trò người trí thức trước những hoàn cảnh chính trị. Đó là khởi đầu vụ Tuyên Ngôn Caravelle. Sở dĩ có tuyên ngôn này vì dần dần chế độ ông Diệm cho thấy một thể chế cứng rắn (Rigidité)19 vốn không còn thích hợp cho một thể chế dân chủ.

Tiếp theo đó, ngày 26 tháng Tư năm 1960, 18 nhân sĩ trí thức tiêu biểu của miền Nam ra tuyên ngôn gửi chính quyền Ngô Đình Diệm... Họ có tên sau đây: Trần Văn Văn, Phan Khắc Sửu, Trần Văn Hương, Nguyễn Lưu Viên, Huỳnh Kim Hữu, Phan Huy Quát, Trần Văn Lý, Nguyễn Tiến Hi, Trần Văn Đỗ, Lê Ngọc Chân, Lê Quang Luật, Lương Trọng Tường, Nguyễn Tăng Nguyên, Phạm Hữu Chương, Trần Văn Tuyên, Tạ Chương Phùng, Trần Lê Chất, LM Hồ Văn Vui.

Trong số những trí thức ký tên trong bản tuyên ngôn này, có nhiều người đã từng cộng tác với chính quyền Ngô Đình Diệm. Đó là quý ông Lê Trọng Luật, Nguyễn Tăng Nguyên, Trần Văn Đỗ v.v... Họ đại diện cho nhiều thành phần trí thức của cả Trung Nam Bắc, các tôn giáo, các khuynh hướng chính trị.

Ngay khi buổi họp báo ra mắt tại Caravelle vào ngày 26 thì ngày 27 tháng Tư 1960... Tại Seoul, Tổng Thống Lý Thừa Vãn bị bắt buộc phải từ chức.²⁰ Đây là dấu hiệu không tốt cho chính phủ Ngô Đình Diệm.

Có lẽ cần nói rõ thêm về nội dung bản tuyên ngôn Caravelle, vì sau này có người hiểu như một kháng thư nhằm lật đổ chế độ Diệm. Tác giả Chính Đạo gọi đó là một Kháng thư Manifeste, người viết nghĩ là không sát nghĩa cho lắm, hoặc có nghĩa quá Pétjorative. Thật ra, nội dung bản tuyên cáo rất ôn hòa, xây dựng, chỉ nhằm yêu cầu chính quyền Ngô Đình Diệm mở rộng chính quyền và các nhà trí thức sẵn sàng hợp tác với chính phủ nếu được yêu cầu.

Theo như lời ông Bùi Diễm, trong Gọng Kìm Lịch Sử, từ trang 161-165, Hồi ký chính trị, cũng như ý kiến của Karnow, trong cuốn Việt Nam, trang 136-137. Thoạt tiên, những người như quý ông Trần Văn Văn chỉ muốn viết một lá thư đạo đạt lên chính quyền Ngô Đình Diệm, chủ ý kín đáo và nói thẳng với ông Diệm, do đó mà lời lẽ hết sức trang trọng và ôn hòa... Nhưng bức thư đó bị ông Diệm làm ngơ. Không trả lời... Vì thế, Nhóm trí thức trên mới quyết định đem công bố lá thư với báo chí và được gọi là Tuyên Ngôn Caravelle, vì được công bố tại khách sạn Caravelle. Chủ ý là một lá thư gửi cho ông Diệm một cách trực tiếp và kín đáo nên ngôn từ trong đó hiển nhiên không thể có dụng ý khiêu khích hoặc bất xứng với ông Diệm, cũng không có ý muốn lật đổ ông Diệm.

Cũng theo ông Nguyễn Thành Vinh trong bài viết: Mặt Trận Quốc Dân Đoàn Kết trong biến cố 11-11-60.* Tôi gặp anh Văn mấy lần về bức thư trên và chúng tôi kết luận rằng lời lẽ trong bức thư không được mạnh, và kế hoạch đó không áp lực được chính phủ Diệm*²¹.

Tiếc thay chính phủ Diệm lại coi những đòi hỏi đó như một mạo phạm đến quyền bính như một thứ tội khi quân (Lèse-majesté). Thay vì nói rộng thành phần chính phủ, ông Diệm đã ra lệnh cấm báo đối lập, bắt giam các nhà báo, các sinh viên và các thành phần trí thức khác... Ông Diệm còn gán cho họ cái tội liên hệ với Cộng Sản. Ngay ngày hôm sau, Ông Diệm đã ra lệnh bắt giam hầu hết những người có tên

trong danh sách của bản Tuyên Ngôn. (lời của ông Bùi Diễm). Trong số những người ký tên trong bản tuyên ngôn có Phan Quang Đán bị bắt giam và lên án khổ sai, đày đi Côn Đảo vì đã ủng hộ cuộc đảo chánh 11-11-1960. Con số những người bị bắt trong nhóm trí thức Caravelle -có người không có trong danh sách 18 người- có ông Trần Văn Văn, Trần Văn Tuyên, Phan Bá Cần, Trần Bá Nhật, Trương Bảo Sơn, Trương Khánh Tạo, Nguyễn Chử, Vĩnh Lợi, Trần Văn Lý, Lê Ngọc Chấn, Trần Tương, Trần Văn Hương và Nguyễn Lưu Viên.

Tất cả cái mất xịch đi đến chỗ sụp đổ chế độ ông Diệm bắt đầu từ đó... Rượu gọi rượu, sai lầm dẫn dắt đến sai lầm khác... Chế độ càng tỏ ra cứng rắn, giới trí thức càng tỏ ra cái sức mạnh tinh thần của họ là sự phản kháng.

Riêng người Mỹ, mặc dầu đã đổ ra hơn tỉ đô la vào Việt Nam ở thời điểm đó, cái nhìn về ông Diệm đã không còn được như trước nữa qua một công điện của Đại sứ Durbrow gửi về Hoa Thịnh Đốn ngày 4 tháng 12 cùng năm như sau:* Chúng ta rất có thể trong một tương lai không xa nữa phải tìm và theo đuổi một giải pháp thay đổi người*22. Ba năm sau, lời đề nghị của ông Đại sứ Brown trở thành đường lối chính thức của chính phủ Hoa Kỳ.

Cái ngã rẽ quan trọng của Tuyên ngôn Caravelle đã đưa đến cuộc đảo chánh không thành ngày 11-11-1960. Những người như Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã nhận xét bản tuyên ngôn lời lẽ quá yếu không hy vọng có chút thay đổi gì về phía ông Diệm. Vì thế cũng theo ông Nguyễn Thành Vinh trong bài Mặt Trận QĐĐK, ở trên các ông đã yêu cầu nhóm Caravelle đứng vào Mặt Trận Quốc Dân Đoàn Kết. Mặt trận này dĩ nhiên do VNQDDĐ điều động có kế hoạch đi đến biểu tình, tuyệt thực trước Quốc Hội. Nhất Linh đã tiếp xúc đi gặp Giám Mục Lê Hữu Từ, cha Oánh, cha Hiền. Ông Nguyễn Thành Vinh ra miền Trung gặp Thượng Tọa Đôn Hậu, bác sĩ Trần Đình Nam. Ông Trần Văn Văn đi gặp cha Lộc, cha Vui... Kế hoạch của Nhất Linh đã không thành vì một số người ở ngay trong mặt trận tỏ ra ngại ngùng về lối đấu tranh trên.

Nhận xét về nhóm trí thức Caravelle

Người viết nhận thấy họ đã nhận thức rõ vai trò trí thức dân thân của họ. Đây là dịp để các nhà trí thức miền Nam có cơ hội lớn lên, trưởng thành về chính trị và bước đầu con đường dân chủ hóa. Đó là mặt tích cực mà người ta nhận thấy được. Nhưng mặt khác, người ta cũng thấy rằng có những yếu kém nhiều mặt sau đây:

- Nó không phải là một cuộc vận động quần chúng của nhiều tầng lớp dân chúng như giới lao động, tiểu thương, sinh viên học sinh, giới công chức và quân đội. Vì thế, buổi họp báo tuyên bố lá thư thay vì tổ

chức sang trọng trong khách sạn Caravelle, dành cho thiếu số báo chí, thiếu số trí thức và giới báo chí ngoại quốc. Nó cần được tổ chức ở trước cửa chợ Bến Thành thì hay biết mấy? Họ, những người trí thức tiểu tư sản chỉ cần tạo một dư luận nơi giới trí thức thượng lưu mà bất kể đến dân chúng. Họ chẳng lưu ý đến người dân là gì cả. Người dân vẫn mù tịt. Cuối cùng, lá thư đó chỉ có một dúm người được biết. Tác dụng ảnh hưởng giới hạn. Cái tên gọi Trí thức Caravelle gọi ra một tác dụng xấu như trí thức salon, trí thức phòng trà. Người dân vẫn là thành phần bị bỏ quên, đứng bên lề... Tựu chung, nó vẫn chỉ là những đòi hỏi của một tầng lớp trí thức tiểu tư sản hầu như chẳng có liên quan gì đến đa số đám đông khác

- Đó là cái mặt yếu của người trí thức tiểu tư sản. Sau này, người ta thấy rõ là những khuôn mặt trí thức đó không tạo đủ uy tín để lập một chính phủ, để ổn định một tình thế. Lý do giản dị là người dân không biết họ, chưa đủ tin vào họ. Khuôn mặt sáng giá nhất có thể là cụ Phan Khắc Sửu với thành tích đi tù. Còn lại những người trí thức như Trần Văn Hương, Phan Huy Quát, các bác sĩ như Nguyễn Tiến Hỷ, Nguyễn Lưu Viên, Luật sư Trần Văn Tuyên? Cụ Trần Văn Hương, một người đạo đức, có nhân cách, nhưng như thế đã đủ để lãnh đạo một đất nước trong thời chiến? Nói chi đến những người như Nguyễn Tiến Hi, Nguyễn Lưu Viên?

- Miền Nam thiếu vắng những nhà chính trị chuyên nghiệp, thiếu vắng những nhà yêu nước cách mạng xã hội, thiếu vắng trí thức dân thân, tranh đấu vào tù ra khám?

- Không có cách nào khác, đành vá víu, lấp chỗ trống bằng những người chuyên nghiệp như bác sĩ, kỹ sư, giáo sư. Căn bệnh trọng bằng cấp này chỉ sản sinh ra một cấp lãnh đạo chính quyền bất tài làm suy yếu các chính phủ. Các chính phủ chuyên viên chỉ tồn tại một thời gian ngắn, rồi bị lật đổ ít lâu sau bị đốt cháy. Cho đến tận bây giờ, sau nửa thế kỷ, vẫn cái tinh thần tôn trọng bằng cấp đó, vẫn những loại người đó ở Hải Ngoại. Thử hỏi họ đã làm được gì?

B- Mặt trận Giải Phóng miền Nam(1960-1963)

Ảo tưởng chính trị của giới trí thức miền Nam

Sự thất bại của cuộc đảo chính càng giúp chính phủ Diệm xiết chặt thêm sự đàn áp các phần tử đối lập tạo ra một mặt trận trí thức chống đối lại chính phủ. Tệ hơn nữa, Hà Nội bắt mạch được sự khủng hoảng quyền lực của chính thể miền Nam đã khai sinh ra đời Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam vào ngày 20-12-1960.

Cũng cần nên nhớ rằng, trong giai đoạn này, phần đông giới trí thức chống ông Diệm mà không chống chế độ ông Diệm... muốn thay đổi người cầm quyền chứ không muốn đập đổ chế độ VNCH. Những người của Cộng Sản như Trần Bửu Kiếm, Huỳnh Tấn Phát, Nguyễn Văn Hiếu, Ung Ngọc Kỳ thấy rằng

thời cơ đã đến. Đã đến lúc mặt trận phải xuất đầu lộ diện. Họ đã đi tìm một nhân vật để lãnh đạo mặt trận. Mới đầu, họ nhắm được sĩ Trần Kim Quan, một người có thể lực và tiền của, rồi đến luật sư Trịnh Đình Thảo và Michel Văn Vi, giám đốc ngân hàng Pháp Hoa. Các người trên đều từ chối. Sau cùng thì họ bắt buộc đưa Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, lúc bấy giờ còn đang bị giam tại Tuy Hòa. Huỳnh Tấn Phát đã tìm cách giải cứu Thọ ra khỏi nhà giam. Thọ còn có con đường chọn lựa nào khác? Họ chống ông Diệm, vì cho rằng: “Ông Diệm chỉ lo củng cố địa vị mà không làm gì cho dân, cho nước”... Vì thế họ muốn có một “tổ chức chính trị ngoài vòng pháp luật”²³

Sự chọn lựa của một số trí thức miền Nam mong tìm một giải pháp ra khỏi cảnh bế tắc chính trị của miền Nam thật sự là một “gáp” chính trị quan trọng. Nó cho thấy sự không nắm được tình hình, không hiểu rõ tổ chức nhân sự cũng như mục đích của Mặt Trận. Nó có bề ngoài phô trương như thể một chính phủ có thực, có tầm cỡ, thuần túy Nam bộ, với những nhân vật như ông Thọ, ông Phát, ông Cung, ông Kiếm, ông Tăng, bà Bình, bà Định... và một nhân vật nữ nổi tiếng như bà Dương Quỳnh Hoa. Và nói như ông Hồ Sĩ Khuê: “Thành viên Mặt Trận thực sự chẳng có bao nhiêu. Nhưng ở Sài Gòn, sao mà ai cũng có vẻ là người của Mặt Trận quá”²⁴

Nhưng bên trong họ chỉ làm bù nhìn như theo lời tường thuật của Kỹ Sư Trương Như Tảng trong A Viet Cong Memoir. Theo tài liệu này, Trương Như Tảng vốn là một sinh viên du học bên Pháp, có dịp gặp Hồ Chí Minh, coi HCM như một khuôn mặt lãnh tụ sáng chói nhất để chống lại người Mỹ. Và trước mắt chống lại chính quyền Ngô Đình Diệm... Hồi ký cho thấy MTGPMN là tất cả một sự dàn dựng khi bọn họ được đưa vào bung để chỉ ngồi chơi xơi nước. Chẳng hạn dẫn đi trong rừng, bịt mắt rồi đi quanh co ra về bí mật. Những buổi họp thì để giữ bí mật, các thành viên mặt trận đều bịt mắt, vì thế chẳng biết ai vào với ai. Ai là thật, ai là giả? Đó là một kinh nghiệm đau xót của một số ít trí thức miền Nam... Trương Như Tảng còn viết một bài với nhan đề: The Myth of Libération để tố cáo chính quyền Cộng Sản Hà Nội dàn dựng giả dối. Họ đã nghe và tin tưởng vào những lời cam kết của chính quyền miền Bắc như sau: “Trong nhiều năm, họ đã nghe Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa long trọng tuyên bố cam kết rằng: Tổng bí thư Lê Duẩn đã nói Miền Nam cần có chính sách riêng của miền Nam”²⁵

Đúng như lời Thủ Tướng Phạm Văn Đồng thường tuyên bố với các phóng viên nước ngoài: Chẳng ai lại có cái ý nghĩ ngu xuẩn và tội lỗi là thôn tính miền Nam (sách đã dẫn, trg 135).

Và William Shawcross trên tờ Washington Post đã viết* He became the Viet Cong's Minister of justice, but at the end of the war, he fled the country in disillusionment and despair. He now lives in exile in Paris, the highest level official to have defected from Viet Nam to the West. This is his candid, revealing and unforgettable autobiography.* (ông trở thành bộ trưởng tư pháp trong chính phủ VC, nhưng sau khi chiến tranh chấm dứt, ông đã trốn thoát khỏi VN với tâm trạng bị vỡ mộng thất vọng. Nay thì ông tỵ nạn

ở Paris. Ông là một trong những viên chức cao cấp nhất đã đào thoát ra khỏi VN sang Tây Phương. Đây cũng là cuốn hồi ký cho thấy sự ngây ngô, với những phát hiện khó có thể quên được).

Vũ Thư Hiên trong hồi ký Đêm Giữa Ban Ngày, trang 469 đã viết rằng: “Trẻ con miền Bắc cũng biết mặt trận giải phóng là do miền Bắc dựng nên”

Người trí thức miền Nam một lần nữa bị lừa gạt. Sau này, sau khi miền Nam bị mất vào tay Cộng Sản, nhiều người trong bọn họ mang ảo tưởng sẽ có vai trò, sẽ được dùng, sẽ được lãnh đạo miền Nam? Tất cả bọn họ đã bị gạt ra bên lề một cách thảm bại, hoặc cho ngồi chơi xơi nước, có chức mà không có quyền. Cái màn lừa gạt này đã là lần thứ mấy mà chính quyền CS mang ra áp dụng đối với những thành phần đảng phái và những người theo họ?

3.- Giai đoạn 3: 1963-1966. Biến cố Phật giáo.

A.- Cao trào đòi hỏi bình đẳng tôn giáo

Nhận xét về biến cố Phật Giáo và sự sụp đổ của nền đệ nhất Cộng Hòa, Stanley Karnow viết: * La fin du régime commença par une controverse religieuse qui, au départ, parut sans importance. Mais elle cristallisa rapidement les autres griefs accumulés contre le gouvernement et prit les proportions d'un soulèvement politique. * Viet Nam, trang 159. (Xin tạm dịch: Sự cáo chung của chế độ khởi đầu bằng một chuyện rắc rối tôn giáo mà lúc đầu tưởng không có gì là quan trọng. Nhưng nó đã mau chóng kết tụ những bất mãn khác và chẳng mấy chốc sự bất mãn với chính quyền tích lũy nay lan rộng mau chóng và mang kích thước một cuộc nổi dậy về chính trị).

Nói như thế để thấy rằng biến cố Phật Giáo 1963, lúc ban đầu chỉ là một phong trào đòi hỏi thực thi quyền bình đẳng tôn giáo và hầu như có tính cách tự phát, tính cách thuần tín ngưỡng, phương pháp bất bạo động, mục tiêu bình đẳng và tự do tín ngưỡng Phật giáo. (Trích tinh thần buổi họp mật ngày 7 tháng 5, năm 1963, ở chùa Từ Đàm, Ghi nhận của Thầy Trí Quang về biến cố Phật giáo tại Huế) tính cách bộc khởi bùng lên như một trận cuồng phong làm cuốn phăng tất cả trên đường đi của nó đến không ai tiên đoán được điều gì sẽ xảy ra. Từ một vụ treo cờ, đến biến cố đài phát thanh, đến cái chết của Nhất Linh, sự từ chức bộ trưởng ngoại giao của Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu và vụ tự thiêu của Hòa Thượng Thích Quảng Đức. Đúng như lời của TT Thích Trí Quang, linh hồn của biến cố Phật Giáo 63 đã ghi: Một sự vận động kỳ quái..²⁶ Hai chữ “kỳ quái” muốn nói tới sự bất ngờ trong cuộc vận động này.

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo có cuộc vận động lớn lao và ý nghĩa mang tầm kích quốc gia và thế giới. Nó cũng chứng tỏ rằng cuộc vận động đó, dù tự phát đã lôi kéo được đa số dân chúng miền Nam và được sự ủng hộ tinh thần của thế giới bên ngoài. Nhất là giới học sinh, sinh viên trí thức thành

thị. Theo anh Hoàng Văn Giàu, đoàn trưởng SVPT Huế * Lực lượng trẻ có học này đem lại cho phong trào một sinh khí và sắc diện mới chứng tỏ Phật Giáo không chỉ lôi cuốn thành phần vong niên hay cao niên đã chán sự đời mà còn hấp dẫn thế hệ đang hăm hở hướng về tương lai dân tộc và tín ngưỡng*²⁷

Hay trong Phượng trên Trời, Hải đường dưới đất, Thái Kim Lan, phó trưởng đoàn SVPT, đã đậm nét ghi lại tâm trạng giới trẻ trí thức như sau:* 1963 đã đánh dấu một chặng đường tuổi trẻ làm nền cho thao thức dân thân của cả đời cho nên, 1963 khó quên... hay không thể quên. Những ngày tháng ấy từ đó là hành trang giấu trong * túi- áo- bên- tim* mang theo trên đường đi 40 năm. Phong ba đã lắm, gian truân cũng nhiều cho tất cả những ai thời ấy... * mày ngài chìm đắm trong cát bụi* dặm trường, bạn bè kẻ còn người mất. Rốt cục cũng chỉ còn lại hai chữ Vô Thường*

Những TT như Thích Trí Quang, Trưởng Ban Trị sự Hội Phật Giáo Việt Nam Trung phần, TT Thích Thiện Minh, Tổng Ủy Viên Thanh Niên Phật tử của THPGVN Theo anh Hoàng Nguyên Nhuận, TT Thiện Minh còn là nhà kiến trúc phong trào Phật Đản 63 hay hơn nữa là đầu não chiến lược? Về điểm này, chắc cần phải được xét lại. Phải tìm hiểu xem thế nào là kiến trúc phong trào ở chỗ nào? và nhất là đầu não chiến lược - nghĩa là đưa ra đường lối chỉ đạo có tính cách quyết định đến sự thành bại của phong trào ấy? Như người viết trình bày sau này, đối với cái nhìn bên ngoài và đối với dư luận quốc tế, biến động Phật Giáo 63 gắn liền với hình ảnh của TT Thích Trí Quang. Và phải chăng, đó cũng là cái chỗ để có sự bất đồng giữa một số nhà lãnh đạo PG lúc đó? Bình thường, cùng lắm họ chỉ là những nhà sư trí thức, khổ hạnh. Vậy mà nay họ trở thành những nhà sư trí thức có sức mạnh tinh thần đến có thể làm sụp đổ một chế độ? Việc tranh đấu cho bình đẳng tôn giáo ở lúc đầu mau chóng trở thành ươc vọng lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm?

Thật sự, dù muốn dù không, biến cố Phật Đản 1963, Huế cũng biến một số tác nhân trở thành những lãnh tụ trí thức hàng đầu cả về phạm vi tôn giáo và chính trị ở miền Nam Việt Nam mà Điều mà trước đây chưa từng có.

B.- Vai trò TT Trí Quang: Linh hồn của biến cố Phật giáo 63

Thật vậy, trong Time Archive, số ra ngày 22-04-1966, bìa tờ báo số đó dành để in hình TT Trí Quang. Trong số báo, có bài A talk with Thich Tri Quang, TT Trí Quang đã dành một giờ để trả lời phỏng vấn của các phóng viên Frank McCulloch và James Wilde, tại Sài Gòn, qua lời thông dịch của ông Thân Trọng Huệ, một nhân viên trong ban biện tập của tờ Time. Họ đã dùng từ *venerable* mỗi khi hỏi T.T trong bộ quần áo nhà thương. (TT nằm ở bệnh viện hộ sản đường Duy Tân của Bác sĩ Nguyễn Duy Tài). Trong một bài khác Politician from the pagoda, Phóng viên đã dùng những lời lẽ trân trọng

sau đây để nói về một nhà sư bề ngoài mảnh mai, yếu đuối:* The frail, elegant hands of the Buddhist bonze who had ignited the trouble gestured- and the mobs went home, the air cleared. The crisis itself had not ended, but its course had been changed and channeled, sometimes subtly, sometimes imperiously, by one of South Viet Nam's most extraordinary men. As a result of the power and discipline he displayed in last week... (Tạm dịch: đôi bàn tay yếu ớt nhưng thanh nhã của vị tu sĩ Phật giáo, người đã châm ngòi cho sự biến động, đưa lên ra đấu và đám đông trở về nhà, bầu không khí trở lại trong trẻo. Tuy sự khủng hoảng chưa hẳn chấm dứt, nhưng đường lối đã thay đổi và được điều vi, lúc thì tế nhị lúc thì oai nghiêm, dưới sự điều khiển của một trong những người đàn ông phi thường nhất của miền Nam Việt Nam. Như là kết quả của quyền lực và kỷ luật mà ông đã chứng minh tuần vừa qua)

Những hoạt động tôn giáo và chính trị của TT Trí Quang đã đặt ra những nghi vấn: Phải chăng TT Trí Quang có liên hệ với Cộng Sản? Phúc trình của CIA vào ngày 28-08-1964 như sau:* An analysis of Thich Tri Quang is possible Communist Affiliations, Personality and Goals: Situation Report as of 27 August 1964 (Assessment is that Tri Quang is not a Communist, he would like to establish a theocracy in South Viet Nam²⁸. (tạm dịch: “Một phân tích xem thử Trí Quang có thể là một người Cộng Sản, về liên hệ đảng phái, nhân cách và những mục tiêu: Cơ sở tường trình ngày 27 tháng 8 năm 1964: Đánh giá rằng Trí Quang không phải là Cộng Sản, ông ta có thể mong muốn xây dựng một thể chế thần quyền tại Việt Nam.” Ở đây, nhân dịp cũng xin nói rõ một lần, dẹp tan những dư luận đồn đại không đúng về TT Trí Quang. TT Trí Quang đã phát biểu “Tôi mạnh mẽ tin tưởng Cộng Sản sẽ không bao giờ thành công, tôi cũng tin tưởng mạnh mẽ rằng chủ nghĩa Cộng Sản không phải là lý tưởng của nhân loại. Nhân loại còn có những triết thuyết cao hơn”. Ở chỗ khác, khi trả lời ký giả Nhật Bản Takhasi Oka “Cộng Sản chống chúng tôi, vì Phật giáo nằm trong lòng dân tộc. Cộng Sản luôn luôn muốn tổ chức quần chúng mà Phật Giáo lại là quần chúng. Điều đó gây khó khăn cho cả Cộng Sản lẫn cho cả chúng tôi”²⁹

Trên tờ Lập Trường, cơ quan tranh đấu của Phật giáo ngoài Huế, số ra ngày 17-10-1964, TT Trí Quang tuyên bố: “Tôi tin tưởng vững chắc rằng chủ nghĩa Cộng Sản không bao giờ có thể thắng được. Tôi tin tưởng vững chắc rằng chủ nghĩa Cộng Sản không phải là lý tưởng của loài người.”³⁰

Dù không có bằng chứng gì chứng minh được TT Trí Quang là người của Cộng Sản, nhưng những hoạt động của TT đương nhiên bị Cộng Sản lợi dụng và khai thác. Điều trớ trêu là Cộng Sản e ngại sự sụp đổ của ông Ngô Đình Diệm, bởi vì làm như thế thì Phật giáo tỏ ra chẳng còn ích lợi gì dưới mắt chính quyền miền Bắc. * The government of South Viet Nam lacks evidence to support the conclusion that the Buddhist movement was instigated by the Viet Cong, however, there is evidence that the Viet Cong exploited the crisis* Và * North Vietnamese plans to increase military pressure in South Viet Nam during the Buddhist crisis. Hanoi fears the U.S. will try to depose South Vietnamese President Ngo Dinh

Diem, and if successful, the Buddhist will no longer be useful to North Viet Nam* (trích cùng tài liệu ở Utrên) (tạm dịch: Chính quyền Nam VN không có đủ bằng cứ hiển nhiên để có thể kết luận rằng phong trào Phật giáo VN là do Việt Cộng dật dấy, tuy nhiên, hiển nhiên là VC biết khai thác cuộc khủng hoảng đó. Kế hoạch của miền Bắc là tạo ra những áp lực quân sự đối với miền Nam VN trong cuộc khủng hoảng Phật giáo. Hà Nội sợ rằng người Mỹ sẽ lật đổ ông Ngô Đình Diệm của miền Nam, và nếu cuộc lật đổ đó thành công thì Phật giáo sẽ không còn có ích lợi gì nữa cho miền Bắc).

Nhưng trước khi ông Diệm bị lật đổ, có ba sự cố làm cho cuộc tranh đấu của Phật giáo có tầm vóc và đầy mạnh gia tốc sự sụp đổ của ông Diệm.

C.- Hòa Thượng Thích Quảng Đức: Ngọn lửa từ bi

Đã có rất nhiều người xúc động và rơi lệ vì nghe tin Hòa Thượng tự thiêu tại góc đường Nguyễn Đình Chiểu và Cách Mạng tháng 8 bây giờ (trước là góc Phan Đình Phùng ở Lê Văn Duyệt). Nay nhắc lại cũng có thể còn bồi ngùi cảm xúc. Cái chết như một bi kịch quá đau lòng, nhưng lại thấp sáng lên niềm tin của những người con Phật. Đã có một lần tôi đã viết, nay viết lại là. Người ta có thể nói gì cũng được về Biến cố Phật Giáo 63. Nhưng cái chết tự nguyện của nhà sư làm mọi người phải câm lặng, phải cúi đầu, phải suy nghĩ, phải đánh động tâm tư, phải thức tỉnh và nó dóng lên một niềm tin. Tất cả tùy thuộc vào hoàn cảnh của mỗi người. Cái chết đó mang vóc dáng thái độ của một người vượt cảnh giới bình thường, trở thành mẫu tượng của Phật Giáo và của dân Miền Nam. Nhiều lúc tự nghĩ rằng không còn gì để nói nữa. Tôi có đọc hai đoạn văn trả lời của thầy Nhất Hạnh và Russell, McCutcheon để giải thích về cái chết ấy, ý nghĩa nó là gì, có phải là hành vi chính trị nhằm lật đổ chế độ và tự thiêu có nghĩa là hành vi tự tử không? Thầy Trí Quang khi được sinh viên PT hỏi thì trả lời: “Thân người khó được”.

Theo người viết, trả lời gì cũng không bao giờ đủ. Bởi vì, tự thân việc tự thiêu của Hòa Thượng TQĐ đủ nghĩa cho chính nó mà không cần lời biện bạch nào nữa.

Có hai điều người viết nhìn ra ở trong cái chết này theo cái cách của mình. Người viết bài này có tất cả 5 tấm hình khác nhau về Hòa Thượng Quảng Đức tự thiêu. Từ những tấm chụp đầu tiên, màu áo còn trắng, lửa bốc cao, tòa lan rộng ra như chưa tấp vào người của Hòa thượng. Bên cạnh có thùng săng nhựa còn để đó. Mắt HT nhắm, lưng thẳng đơ, tay buông xuôi theo kiểu ngồi kiết già - nghiêm chỉnh và tự tại -như thể hư vô hóa cảnh giới bên ngoài là sức nóng, lửa tấp. Không tỏ lộ một nét nhăn mặt hay đau khổ, gần như vô cảm... Khó có thể tưởng tượng được sức người có thể trấn áp được những cơn đau đùng chạm đến thần kinh cảm giác, hoặc các giác diễm đau đớn. Thói thường, con người phải quằn quại vùng vẫy, la hét, lăn lộn. Các cơ bắp thịt phải co bóp lại, giật tay, giật chân. Khi chết, miệng mồm có thể méo mó, mắt trợn, tay chân co dúm lại không khéo. Sức người như tôi không hiểu được. Có cái gì đó lạ lùng. Những bức hình kế tiếp, áo đã đen vì đã cháy rụi, mặt nhám đen nhìn đã không rõ mặt. Nhưng tư

thể ngồi vẫn thế... Vẫn bắt di bắt dịch. Vẫn kiết đàn, vẫn bình thân tự tại. Một thân hình như nhỏ thót lại không còn nhận ra là ai nữa. (A thumbnail of the unidentified monk). Đến tấm hình chót, lửa đã hầu tắt, tay vẫn ngang phía bụng. Tôi thấy rõ hơn ít lắm có hai tấm vải hay tấm nhựa gì đó vẫn còn nguyên vẹn, mặt đường nhiều chỗ đen xì, nhưng tấm vải toàn bộ vẫn không bị cháy. Không biết tấm vải làm bằng chất gì mà không cháy? Xin trích dẫn đôi dòng ghi lại của nhà báo David Halberstam, phóng viên tờ New York Times ghi lại như sau:* Behind me I could hear the sobbing of the Vietnamese who were now gathering. I was too shock to cry, too confused to take notes or ask question, too bewildered to even think. As he burned, he never moved a muscle, never uttered a sound, his outward composure in sharp contrast to the waiting people around him* (Xin tạm dịch: Đằng sau tôi là những tiếng sụt sùi của những người VN đã tụ tập ở đó. Tôi quá bị xúc động đến không kêu lên được, lúng túng không biết đường ghi chép hay đặt câu hỏi, đầu óc quá lún quẫn không nghĩ được gì nữa. Trong khi bị lửa đốt, không thấy bắp thịt co giật, không thấy thốt ra một tiếng kêu, dáng bên ngoài vẫn thẳng khác hẳn với đám dân chúng đang chờ đợi chung quanh Hòa Thượng).³¹

Cái thể ngồi thẳng, không một chút lay động, trước lúc tự thiêu và sau tự thiêu vẫn thế. Cái bề ngoài cho thấy một sự điềm nhiên tọa thị thật là đẹp và ấn tượng trong khi đồng đạo của nhà sư đứng bên ngoài khóc than... Có một cái gì vượt tầm nhận thức con người? Có thể nói đến một sức lực siêu nhiên bất chấp các quy luật tự nhiên?

Khó có thể có cái tư thế chết nào đẹp hơn.

Điều thứ hai mà người viết muốn nói đến ở đây là bản chúc thư của Tỳ Kheo TQĐ. Chết vì đạo, hy sinh tấm thân để cứu đạo, cứu đời. Nhưng lời lẽ ôn nhu, trân trọng đối với kẻ đáng nhẽ bị coi là kẻ thù. Cái quý chính là trái tim đó, tấm lòng đó. Nay hãy lắng nghe lời di chúc còn vắng đâu đây và hãy học, bắt chước lời di chúc ấy. Cầu hồng ơn Phật Tổ gia hộ cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm sáng suốt. Cầu cho Phật giáo VN được trường tồn. Cầu Đức Phật gia hộ cho Đại Đức, Tăng Ni tránh khỏi kiếp nạn. Cầu cho đất nước thanh bình. Cuối cùng thì một lần nữa kính gởi lời cho TT Ngô Đình Diệm lấy lòng Từ Bi bác ái đối với quốc dân.

Miền Nam cần những tấm lòng như thế. Đất nước VN cần những tấm lòng như thế. Thầy Trí Quang trên đường từ Huế vào Sài Gòn viết “Lửa Quảng Đức đang đốt cháy chế độ của ông, khắp cả nước và thế giới”³² Không hẳn chỉ là như thế. Cũng không cần là như thế. Lửa Quảng Đức còn dạy cho các thế hệ mai sau bài học của lòng nhân ái ngay đối với kẻ thù. Lòng nhân ái đó nếu nói theo tinh thần nhà Phật thì đó là ngọn lửa từ bi.

Nhân tiện đây, người viết xin trân trọng trích lại một phần bài thơ của Bùi Khải Nguyên, dự định đăng trên tờ Hành Trình, nhưng chưa có cơ hội được đăng, gửi tới độc giả đọc bài viết này để ghi nhớ một lần cái chết đẹp của cô Nữ sinh QTT tại chợ Bến Thành.

Quách thị Trang.
Có một cô nữ sinh Sài Gòn
Tóc ngọc lan xõa vai
Xinh Lolita
Ngây thơ Juliette
Ngày hôm qua
Cô còn thức thì thăm bên gối chiếc
Cô còn ép cánh hồng giữa trang tiểu thuyết
Công trường Diên Hồng
25 tháng 8
Cô gái yêu đuối như sên
Hiền như đất
Xinh Lolita
Ngây thơ Juliette
Trái tim Sài Gòn - Việt Nam thổn thức.
“Đoàong”. Phát súng đã man
cô nữ sinh ôm tim gục xuống
Để chúng ta
Mỗi lần qua công trường Diên Hồng ngợp hương hoa nắng
Nhớ giùm cho
Một phút: 60 giây
Quách Thị Trang
Ôi em gái nằm đây
Yếu như sên
Hiền như đất
Xinh Lolita
Ngây thơ Juliette
Đã can đảm dám yêu, dám ghét
Đã dám sống đủ 60 giây... một phút
Rất hồn nhiên Không tính toán Chẳng băn khoăn

Bùi Khải Nguyên.33

D.- Cái chết của nhà văn Nhất Linh: Hồi chuông báo tử của chế độ

Cái chết của Nhất Linh phải chăng muốn theo gương Hòa Thượng Thích Quảng Đức? Xem lại cuộc đời nhà văn Nhất Linh, điều làm cho chúng ta suy nghĩ là phải chăng ông có nên dấn thân vào con đường chính trị hay không? Ông là một trong những nhà văn, nhà trí thức hàng đầu của nhóm TLVĐ. Nhưng không có nghĩa là văn nghiệp của ông hơn những nhà văn trong nhóm như Khải Hưng hay Thạch Lam... Nhưng rõ ràng chỗ của ông là ở đó. Nhưng tình thế đất nước đòi hỏi, với tư cách nhà trí thức, ông đã dấn thân vào chính trị đến gần nửa đời còn lại... mà mỗi lần mỗi gặp thất bại. Trước tiên, ông đã gặp thất bại

khi nhận làm bộ trưởng ngoại giao trong chính phủ Liên Hiệp Kháng Chiến và dự cuộc họp với Pháp tại Đà Lạt. Thất bại với Việt Minh trong việc giành chính quyền ở Hà Nội. Vì thế, từ 1946, ông đã bôn ba trốn sang biên giới rồi sang Trung Quốc. Lúc ở Côn Minh, Trùng Khánh rồi Thượng Hải, cho đến 1951. Ở Thượng Hải, ông đã ở chung với các ông Trần Văn Tuyên, Phan Quang Đán Nguyễn Văn Hối và Nguyễn Gia Trí. Từ 1951, ông về sống tại Sài Gòn. Người con là Nguyễn Tường Thiết kể lại về tình trạng của bố mình:* Có đêm lũ chúng tôi lôm côm bò dậy còn nghe tiếng khóc trong phòng cha tôi. Tiếng khóc lúc đầu còn nhỏ sau lớn dần không kim hãm được... Lũ chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau.. Sau này khám phá ra rằng cha tôi là người cô đơn và đau khổ*.34 Trương Bảo Sơn cũng có nhận xét tương tự: *Tuy làm việc đầy, nhưng ông xuống tinh thần, như người thất chí, chán đời, mệt mỏi chỉ tiếp một số bạn bè thân. Ông tuyên bố không làm chính trị nữa và đưa con lên ở Đà Lạt, lấy thú đi rừng kiếm lan, chơi lan để giải buồn*. Nhất Linh có nhiều lý do để cô đơn và đau khổ: Cái thất bại cay đắng của Hội nghị ở Đà Lạt. Cái chết của Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long. Nguyễn Tường Bắc, người em út của Nhất Linh, một hôm từ Quảng Châu đến Hồng Kông đề nghị Nhất Linh nên từ bỏ chủ nghĩa Tam Dân, sự phân rẽ hệ phái Quốc Dân Đảng làm hai. Mặt Trận Quốc Dân Đoàn Kết do ba người đứng tên là Phan Khắc Sửu, Nguyễn Xuân Chử và Nguyễn Tường Tam bị thất bại. Vì thế, ngay từ 1954, sức khỏe của ông đã suy sụp lắm rồi như Nguyễn Ngu Ý “bùi ngùi vô hạn” nhắc lại: “Anh dường như yếu nhiều và chẳng những tay anh hơi run, mà phía dưới hai gò má anh cũng giựt lia, giọng anh liu liú, hơi nói chẳng được dài. Và cả người anh một cái gì mệt mỏi chán chường”.35

Mặc dầu sức khỏe suy sụp, ông vẫn thiết tha gắn bó vào trong những hoạt động chính trị nhằm lật đổ chế độ ông Diệm... Ông đã tham gia vào cuộc đảo chánh bất thành ngày 11-11-1960 và sau đó bị mời vào Tổng nha CSQG cùng với các ông Trần Văn Hương, Trần Văn Văn. Tất cả đều bị bắt giam, trừ Nguyễn Tường Tam. Có 35 người bị đưa ra trước tòa án Quân Sự Đặc Biệt sáng 09-07-63... trừ Nguyễn Tường Tam, vì ông đã tự tử trước đó. Cái chết của ông đã gây một tiếng vang và một xúc động lớn đối với toàn thể dân chúng miền Nam. Có lẽ chỉ có một người duy nhất là Bác sĩ Phan Quang Đán đã trả lời hơi khác người trong báo Tiếng Dội miền Nam, ngày thứ năm 11-7-63 như sau. Bác sĩ nghe tin ông Nhất Linh từ trần? Bác sĩ nghĩ sao? Đáp: Có, tôi có được tin. Tôi nghĩ rằng, thời gian này là lúc ông Nhất Linh cần sống hơn là chết. Chúng tôi thương tiếc ông lắm và không rõ vì sao lại có sự đáng tiếc ấy.36

Cái chết của ông như một lời tố cáo chế độ. Nó mang hai ý nghĩa. Đối với riêng cá nhân ông, tôi nghĩ rằng với sức khỏe suy sụp, ông cũng muốn chấm dứt trong vinh dự. Nó hoàn tất và chấm dứt một cuộc đời đầy bi lụy với những thất bại chính trị Phải chăng với cái chết như thế trở thành cái chiến thắng cuối cùng mà ông từng mong đợi? Đối với toàn thể dân chúng miền Nam, cái chết của ông như một lời cảnh cáo chế độ, thêm một ngọn lửa, đem thêm một niềm tin, một sức sống cho những người còn đang tiếp tục chiến đấu cho một tiến trình Dân Chủ.

Nhất Linh là biểu tượng sáng chói cho người trí thức miền Nam trong giai đoạn này. Và thêm một người nữa noi gương Hòa Thượng Thích Quảng Đức. Xin trích dẫn hai câu thơ của Phạm Thiên Thư để nói về cái chết của ông:

Những người chấp nhận đấu tranh
Là khai tử để khai sinh lại mình

E.- Việc từ chức của giáo sư Vũ Văn Mẫu: Nhân chứng cho sự sụp đổ chế độ

Nếu tìm một mẫu mực về một người công chức cao cấp điển hình, khó có ai hơn ông Mẫu hay ông Huỳnh Hữu Nghĩa. Cả hai đều giữ ghế Bộ Trưởng từ lúc đầu đến lúc chót. 9 năm tại vị của chế độ Ngô Đình Diệm cũng đến 9 năm có mặt GS Vũ Văn Mẫu, từ lúc lập nội các cải tổ chính phủ lần thứ hai, sau hai tháng rưỡi cầm quyền thời ông Diệm. Ông là mẫu người trí thức chín chắn, dè dặt, được ông Diệm nể. Nhưng vai trò TT ngoại giao của ông cũng tương đối mờ nhạt.

Ngày 21-08-63, để chống lại quyết định tấn công chùa chiền của ông Diệm, ông Vũ Văn Mẫu đã về nhà cạo đầu, rồi đến bộ Ngoại Giao tuyên bố từ chức để phản đối chính sách của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Ông Vũ Văn Mẫu sau khi từ chức định trốn ra ngoại quốc, nhưng đã bị bắt tại phi trường Tân Sơn Nhất. Chính phủ ông Diệm đã dàn xếp với ông Mẫu với điều kiện: Ông Mẫu không công khai tuyên bố từ chức, trái lại chính phủ phải để ông ra đi với lý do hành hương ba tháng tại Ấn Độ. Cuộc dàn xếp cuối cùng đi đến quyết định để ông Mẫu ra đi vào ngày 28-8-1963.³⁷ Trong VN niên biểu của Vũ Ngự Chiêu cho biết ông Vũ Văn Mẫu rời VN ngày 29-8 thay vì 28-8. Trong chuyến bay, có cả GS Bửu Hội. Một người đi hành hương, một người đi sang Nữ Ước bệnh viện cho chính sách của ông Diệm về Phật Giáo.

Trong một dịp gặp một người bạn mới quen, anh NMT, anh tâm sự cho biết lúc được tin ông Mẫu từ chức, giới sinh viên như được thổi một làn gió mát và cảm thấy thêm hăng say tin tưởng trước cái tin đó.

Tương cũng nên nhắc cũng vào thời kỳ này có các Giáo sư Phạm Biểu Tâm cũng xin từ chức rồi cũng bị bắt. Trong số những trí thức bị bắt cũng kể thêm quý ông Luật sư Bùi Tường Chiêu, Giáo sư Âu Trường Thanh, ông Đinh Thạch Bích, ông Trần Thanh Bồng v.v...

Cho đến giờ phút mà giáo sư Vũ Văn Mẫu từ chức và xin đi hành hương Ấn Độ, có thể nói chính phủ Ngô Đình Diệm hoàn toàn mất hậu thuẫn của mọi thành phần dân chúng: từ trí thức đại học, giới sinh viên, học sinh, đông đảo đồng bào Phật tử, một thiểu số Công giáo trí thức và thẩm quyền ấy ở cấp cao, ngay như Giáo Hoàng Paul VI lúc bấy giờ. Lòng dân đã đổi. Giới trí thức dù thành phần đã lên tiếng, đã

phản đối. Người Mỹ đã bỏ rơi. Quân đội với tướng lãnh rắp tâm đảo chính. Tin đồn đảo chánh cũng có. Một tình thế như thế, GS Vũ Văn Mẫu đã hẳn không thể không biết.

Tình thế đã chín mùi. Chính vì thế, người viết nhìn thấy việc từ chức của một số trí thức có vẻ như một hồi chuông báo tử cho chế độ. Hơi trễ, nhưng vẫn cần thiết. Lúc đầu sôi lửa bỏng, lúc sống còn trong gang tấc là lúc cần đến trí thức ra mặt?

Kết Luận: Một cái nhìn chung về vai trò của trí thức trong 9 năm cầm quyền dưới chính quyền Ngô Đình Diệm.

Chúng ta cũng phải thừa nhận rằng, miền Bắc có một số lợi thế không chối cãi được trong công cuộc vận động chống Pháp của giới trí thức. Họ thừa kế một di sản tinh thần của những nhà trí thức, những người đi làm Cách Mạng của thập niên 1930. Họ đều xuất thân từ một trường đào tạo làm cách mạng. Đó là nơi những nhà tù như Côn Đảo.³⁸ Chính người Pháp đã tự tay thiết lập nên cái trường đào tạo những nhà cách mạng này. Học trò tốt nghiệp sẽ có mảnh bằng có tên gọi là: chủ nghĩa anh hùng. Chủ nghĩa của lòng yêu nước, nhào trộn giữa chính trị và lòng yêu nước, giữa luân lý và chính trị, giữa truyền thống với dòng họ gia phả với lịch sử được tô hồng, đánh bóng.

Trực tiếp hơn nữa, Đảng CS Việt Nam còn có những tác phẩm đề cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng như *Le procès de la colonisation* (Paris 1925). *Đường cách mệnh* (1927). Trần Hữu Độ viết *Hồn độc lập và Tiếng chuông truy hồn* (1926). Trần Huy Liệu viết *Một bầu tâm sự*. (Sài Gòn, 1927). Nguyễn Đức Quỳnh viết *Một lời thề* (1936). Bùi Công Trừng viết *Từ lòng yêu nước chân chính, tôi đã đi đến chủ nghĩa Cộng Sản và Người trước ngã, người sau tiến lên*. (Hà Nội 1960). Ngô Văn Triễn viết *Lịch sử Nam tiến của dân tộc ta*, (Hà Nội 1929) Dương Bá Trạc viết *Tiếng gọi đàn*, (Hà Nội 1925). Trần Huy Liệu dịch *Tôn Dật Tiên với nhan đề Dân sinh chủ nghĩa*. *Gương chiến đấu của những người Cộng Sản*. (xb lần thứ 3, Hà Nội 1965). Trong đó đề cao những người như Lê Hồng Sơn, Châu Văn Liêm, Lý Tự Trọng, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Nghiêm, Trần Phú, Hoàng Văn Thụ. Bên cạnh đó, người Cộng Sản còn quảng bá và đề cao các Phong trào *Sô Viết Nghệ Tĩnh* (1930) *Bắc Sơn* và cuộc nổi dậy của Nam Kỳ khởi nghĩa, 1940 v.v. và Tất cả những phần tóm tắt các tác phẩm trên dựa trên cuốn sách của David G Marr.³⁹

Họ tạo được cái lợi thế có chính nghĩa và có lý tưởng.

Từ cái lợi thế đó, họ tiến hành cuộc xâm chiếm miền Nam cũng vẫn dưới những chiêu bài như thời kỳ chống thực dân Pháp, cũng vẫn kích động lòng yêu nước bằng những huyền thoại các anh hùng chống xâm lăng cũ. Trước là chống thực dân Pháp, nay chống thực dân kiều mới là Mỹ.

Người miền Nam, trí thức miền Nam đã đưa ra được biểu tượng gì để bảo vệ miền Nam? Sau 1963, tình hình chính trị có nhiều biến động với vụ Trí thức Caravelle và nhất là vụ Phật giáo 63. Trí thức miền Nam đã dờn bỏ thái độ trí thức phòng trà và trí thức phi chính trị. Họ không thể đứng ngoài để chỉ nhìn như một người khách, mà thấy cần phải dấn thân, nhập cuộc.

Một lần nữa, người ta thấy ảnh hưởng của chủ nghĩa Hiện Sinh trên giới trí thức sinh viên thành thị. Cuốn truyện *L'Homme révolté* của A.Camus, Vụ tòa án Russell, cuốn *Les Mains sales* của Sartre v.v... Những khái niệm của chủ nghĩa Hiện Sinh như con người-hoàn cảnh, con người-trách nhiệm, con người-dấn thân, rồi con người-chọn lựa-nhập cuộc đã trở thành chỉ hướng cho giới trí thức nhập cuộc. Mỗi con người không thể không sống trong một hoàn cảnh nhất định, một thời đại nhất định. Nó xấu nó tốt thì ta cũng ở trong đó. Từ đó ta có trách nhiệm đời mình và trách nhiệm thời đại mình. Trách nhiệm là bao hàm phải dấn thân, phải nhập cuộc, phải lên đường, phải hành động, phải phản kháng. Ta không thể ngồi yên được. Phải tỏ ra trung thành với chính mình và với người khác, có can đảm chọn lựa. Chọn lựa đứng về phía lý tưởng, chống lại mọi áp bức, bạo lực bất cứ từ đâu tới. Từ chỗ chọn lựa đó, không thể chọn một chế độ với chủ nghĩa giáo điều, quan liêu, phản dân để đứng về phía những kẻ bị áp bức, về phía người nghèo.

Trong khi đó, thành phần giới trí thức tích cực dấn thân dưới chế độ của TT Ngô Đình Diệm đều phần đông là những người đã lớn tuổi, đã có những hoạt động chính trị cách này, cách khác, đã trực tiếp tham gia chính quyền và nhất là thành phần các đảng phái. Đây là đặc điểm của thời kỳ này. Họ là những thành phần những đảng viên còn sống sót của thời kỳ trước 1954, sau khi đã bị Việt Minh xua đuổi, tàn sát. Thực chất của các đảng phái này có thể chỉ có mục tiêu là nắm chính quyền, nhưng lại thiếu hậu thuẫn nhân dân. Vì thế, thường họ ở thế ngồi chờ và nhất là thế đối lập với chính quyền như là là VNQDD và Đại Việt.

Thứ hai, cần nên xác định một chút về tính chất độc tài của chế độ ông Diệm. Độc tài thì cũng có năm bảy thứ độc tài. Ngay khi ông Diệm vừa bị lật đổ thì đài BBC đã bình luận là: Ông Diệm là một trong những nhà độc tài ít độc tài nhất. Có một điều cần nhìn lại và cùng nhau suy nghĩ, các sinh viên, các trí thức đã từng tranh đấu chống độc tài N.Đ.D, bây giờ tại sao họ đành lòng im lặng khi Trung Tâm Bô Tát Quảng Đức bị chiếm hữu? Việt Nam Quốc Tự, cơ sở biểu tượng của Phật Giáo trước 75, với 4 chục ngàn mét vuông bị lấy không, tại sao ta đành ngồi im thin thít? Phải hiểu thế nào khi trái tim Quảng Đức, linh hồn của cuộc tranh đấu Phật giáo nay còn hay mất? Mà mất đi đâu? Mà chiếm trái tim để làm gì mới được? Chưa hề thấy ai lên tiếng. Trong nước sợ đã đành, nhưng ngoài nước thì vì lý do gì lại không lên tiếng? Gọi là tự do tôn giáo, tự do đi chùa, tự do đi nhà thờ Nhưng những phương tiện để hành đạo thì bị hạn chế cấm đoán. Kinh sách in, ấn hành thì nhiều, nhưng duyệt khảo thì không? Chất

lượng là gì? Trong 4000 chùa rải rác trong toàn miền Nam, người ta thấy có sự giảm sút rõ rệt về số sư sãi, từ 30.000 xuống còn 10.000. Đạo Phật có cơ nguy xuống cấp và rã ngũ không? Trong bài phỏng vấn dành cho đài TF1, truyền đi ngày 11-05-1978, Thượng Tọa Trí Thủ, 40 trụ trì chùa Già Lam, cho rằng ở VN hoàn toàn có tự do theo đạo và rằng những nhà sư bị bắt là do những hành vi cá nhân của họ, không có liên quan gì đến tôn giáo. Giải thích về lý do số nam tu sĩ Phật giáo giảm đi thì được cắt nghĩa rằng một số bọn họ trước đây đi tu là chỉ là để trốn quân dịch. Bằng chứng là số nữ tu sĩ vẫn không giảm. Giải thích như thế thật không ổn, không lẽ đến 20.000 nam tu sĩ đều là những người trốn lính cả sao?

Cứ thử nghĩ xem, trong 6 tháng pháp nạn, chúng ta ít ra đã giành được cái quyền phản đối, biểu tình, tuyệt thực, hô hào đả đảo, đã từng bị giam cầm, đánh đập tra tấn, nhưng đối với nhiều thanh niên sinh viên học sinh, có một cái gì đó hăng say phấn khích mà có lẽ đó là giấc mơ tự do dân chủ, công bằng xã hội. Cuộc đời như có một ý nghĩa, một hành trang lên đường với số vốn tù đầy giam lỏng. Đã có rất nhiều thanh thiếu nữ coi đây như cái vốn làm nền vào đời của mình..

Thật oái ăm, sự nghịch lý của cái độc tài này là đã nhân danh “tự do dân chủ” theo khái niệm của “thế giới tự do”. Thất bại của ông Ngô Đình Diệm là đã lấy chiêu bài “tự do dân chủ” để “độc tài” và trí thức miền Nam đã đòi quyền “tự do dân chủ” ấy, có nghĩa là họ lấy cái quyền mà ông Diệm đã hứa trao cho họ nhưng chính ông ta lại không thực hiện.

Trong suốt 45 năm dưới chế độ Cộng Sản, từ ngoài Bắc vào Nam, thử hỏi đã có bao nhiêu cuộc biểu tình? Bao nhiêu cuộc biểu tình có màu sắc tôn giáo? Tại sao không có một cuộc tự thiêu nào? Khi Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu là ngài vẫn nuôi một niềm hy vọng, vẫn tin tưởng nhờ cái chết của mình có thể chuyển hóa lòng người, chuyển hóa một tình thế? Không thể tự thiêu hoặc trầm mình dưới chế độ Cộng Sản vì không đem lại bất cứ một thứ hy vọng nào. Suy nghĩ và so sánh về điểm này, nhiều lúc thương cho người dân ngoài ấy, họ chỉ xin được làm lỗi, chỉ xin có tội mà cũng không được. Ngay cả cái quyền được phạm sai lầm cũng không có ở miền Bắc nữa.

Về mặt tích cực, người viết nhận thấy rằng, 9 năm dưới chính thể đệ nhất Cộng Hòa, ít ra chúng ta cũng có cơ hội học cái bài học chính trị dân chủ, đòi cho bằng được tự do, công bằng xã hội, bình đẳng và tự do tôn giáo. Tuy nhiên, phê bình thể chế miền Bắc và thể chế hiện nay tại Việt Nam, so sánh với chế độ ông Diệm và các lãnh đạo kế tiếp tại miền Nam không có nghĩa là tìm cách bôi son chế độ miền Nam như một thời hoàng kim. Trong bản chất tiêu cực của chế độ miền Nam, thật là bi hài (ironique) để nói rằng, chính sự phản kháng chế độ này từ tầng lớp trí thức miền Nam đã đem lại điểm son (tích cực) cho nó. (trích Thái Kim Lan, Phượng trên trời, hải đường dưới đất)

Một số trí thức đã có thể đóng trọn vai trò của họ trong một tình thế đầy thử thách và gian nan? Những người như TT. Trí Quang, Hòa Thượng Quảng Đức và rất nhiều vị khác đã tự trầm mình cho một đời

hỏi của chính nghĩa. Những người trí thức dần thân và nhận lãnh trách nhiệm trước thời cuộc như Trần Văn Văn, Trần Văn Hương, Trần Văn Tuyên (Ông Trần Văn Tuyên sau đó chết trong tù ở ngoài Bắc vào ngày 28-10-1976) Cụ Phan Khắc Sửu, Trần Văn Đỗi, Vũ Văn Mẫu, Phan Huy Quát và tất cả những người thuộc nhóm Caravelle.

Làm sao quên được những tên tuổi như nhà văn Nhất Linh.

Sau đó là những người trí thức và lớp thanh niên, sinh viên trong giai đoạn này đã lớn lên và trưởng thành trong những trải nghiệm của những tháng ngày dần thân cho đại cuộc, cho các cuộc bãi khóa, xuống đường... Chỉ phải hy sinh vài người của cái chế độ ấy, giá trị thật là rẻ

Tuy nhiên, vấn đề là khi đã tranh đấu, đã lật đổ ông Diệm, đã được cái quyền làm chủ đất nước vào trong tay, chúng ta đã hành sử thế nào, đã xảy ra chuyện gì? Sau khi anh em ông Diệm đã nằm xuống? Như Giáo sư Lý Chánh Trung viết: Trong tình trạng đất nước, phải lựa chọn: Hoặc chúng ta đòi hỏi dân chủ, hoặc chúng ta đòi hỏi cách mạng. Sau ngày chính biến 1-11-63, các nhà cầm quyền với nhiều thiện chí, đã nghĩ rằng: sau chín năm gò bó, tự nhiên phải có tự do, sau chín năm độc tài, tự nhiên phải có dân chủ. Một năm nay, chúng ta đã dân chủ, và tự do như thế nào, chắc không cần phải nhắc lại. Cho nên đòi hỏi dân chủ trong lúc này là đánh lạc mục tiêu tranh đấu của người dân. Người dân cần Cách Mạng để được có dân chủ. Người dân không cần dân chủ khi chưa có Cách Mạng.⁴¹

Đó là câu chuyện còn lại trong phần sắp tới.

Giai đoạn ba 1963-1966: Ba năm xáo trộn

Một cuộc Cách mạng dang dở

Sau biến cố Phật giáo 63, Miền Nam rơi vào cảnh xáo trộn liên tiếp đến một năm thay đổi ba chính phủ. Nhận định về tình trạng này, xin trích nhận xét của Tướng Nguyễn Cao Kỳ, một người trong cuộc: "The generals who deposed Diem were no better equipped to manage South Vietnam's affairs than were those whom they replaced, so the coup that ended Diem's corrupt and oligarchic regime brought neither peace nor prosperity."⁴²

Quả thực, sau chế độ ông Diệm sụp đổ, có một khoảng trống chính trị. Đây là khoảng trống lần thứ hai. Khoảng trống trước ông Diệm còn có thể hiểu và có thể tìm ra một giải pháp: Giải pháp Ngô Đình Diệm. Sau ông Diệm đã có lúc rơi vào tình trạng vô chính phủ, nguy cơ làm sụp đổ miền Nam.

Các trí thức phần đông đã không đóng nổi vai trò của mình: Hoặc họ đầu hàng, sợ hãi, tính toán hơn thiệt, chờ thời, đứng ngoài để trông chờ, hoặc chán nản thất vọng và nhất là cơ hội chủ nghĩa. Nguyễn

Khánh đã có lần nói trí thức miền Nam toàn là trí thức phòng trà. Cũng không xa lắm. Cơ may của biến cố Phật giáo và cơ hội 1-11-63 là cơ hội duy nhất để xây dựng lại xã hội miền Nam đã để vuột tay.

Ở Sài Gòn, khối Phật giáo của TT Tâm Châu chống lại Thủ Tướng Trần Văn Hương, một nhân vật uy tín của giới trí thức miền Nam đã là một lẽ không nên... Riêng TT Thích Trí Quang có một lập trường rõ rệt là vận động cho một nền Hòa Bình Phật Giáo do dân tộc và cho dân tộc. Lập trường đó đã được các khối Phật giáo hợp ở Viện Hóa Đạo đồng chấp thuận. Nhưng lập trường đó cũng mâu thuẫn đối đầu với nhiều thế lực: Đối với người Mỹ, họ cho rằng chỉ có thể chiến thắng Cộng Sản bằng võ lực, đối với giới tướng lãnh VN, quân Phiệt - Với nội các chiến tranh - Họ cũng chỉ có một con đường trông chờ vào quân viện Mỹ để chiến thắng CS. Còn đối với miền Bắc, họ cũng không có con đường nào khác, cũng chỉ trông chờ vào một công cuộc giải phóng miền Nam bằng võ lực. Có thể do những lý do đó mà TT Trí Quang đã trở thành kẻ thù của nhiều phía, đội nhiều thứ mũ.

Sau vụ đánh chiếm lại Đà Nẵng và dẹp bàn thờ Phật ở Huế, Tướng Kỳ đã cho phi cơ chở TT Trí Quang và đưa về Dưỡng Đường Duy Tân của Bác sĩ Tài để trông nom sức khỏe cho TT. Trí Quang. Trong vụ việc này Tướng Kỳ, trong cuốn sách của ông đã viết với một giọng châm biếm đến biếm nhả, nghi ngờ về vụ tuyệt thực. Xin trích dẫn nguyên văn: “When Trí Quang landed at Tân Sơn Nhất, he was driven to the clinic. Twenty-four hours later, Saigon newspapers reported that he had begun a hunger strike to protest my actions in squashing his revolt. Day by day the newspapers reported he continued his fast. When Lodge express concern, I said: Mr Ambassador, don't worry. If Trí Quang was merely a monk, then may be he would fast until death. But he is a politician, Have you ever seen a politician die of hunger.

Lodge laughed.

Between us, I continued: I will tell you that he doesn't eat and he refuses intravenous nutrition, but don't worry! My prediction was confirmed! A week later Dr Tai come to see me, very nervous, to report that his prize patient looked better. He had all the fresh fruit juice and protein shakes that he could hold and Dr. Tai assured me that Trí Quang could live thirty years that way! I am glad that I didn't have to shoot Tai”⁴³ Khi ông Trí Quang đến phi trường Tân Sơn Nhất, ông liền được đưa xe về bệnh viện. 24 giờ sau, báo Sài Gòn loan tin ông ta đã bắt đầu tuyệt thực để phản đối những chiến dịch của tôi đã đè bẹp sự nổi dậy của ông ta. Mỗi ngày báo chí đều loan tin ông ta tiếp tục tuyệt thực. Khi ông Lodge tỏ vẻ lo ngại, tôi bảo: Thưa ông Đại sứ, xin ông đừng lo ngại. Nếu Trí Quang đúng là một nhà sư, thì có thể ông ta sẽ tuyệt thực đến chết. Nhưng ông ta là một nhà chính trị, ngài có bao giờ thấy một nhà chính trị chết vì đói chưa.

Ông Lodge cười.

Tôi nói tiếp, giữa chúng ta, tôi nói cho ngài biết rằng ông ta không ăn và từ chối sự dinh dưỡng theo đường tĩnh mạch, nhưng ngài đừng loà Tiên đoán của tôi đã được xác nhận. Một tuần sau bác sĩ Tài đến gặp tôi, dáng điệu rất bối rối, báo cáo rằng bệnh nhân đáng kính nể của ông ta đã đỡ hơn. Ông ta đã có được tất cả các thứ nước trái cây tươi và nước có chất bổ protein và bác sĩ Tài cam đoan với tôi là ông ấy có thể sống 30 năm theo cách ấy. Tôi mừng là đã không bán chết tên Tài.)

Thật ra, việc tuyệt thực của TT Trí Quang bắt đầu ở Huế rồi vào Sài Gòn là tiếp tục cuộc tuyệt thực kéo dài 100 ngày. Cuộc tuyệt thực đã có mục đích hẳn hoi, không có ảo tưởng mà cũng chẳng có chi là cầu may, nhưng thực hiện cuộc tuyệt thực một cách nghiêm chỉnh. Đây cũng chẳng phải là lần đầu TT Trí Quang tuyệt thực. TT đã từng tuyệt thực như thế từ ba ngày đến năm ngày rồi. Kinh nghiệm có đủ. Kinh nghiệm về những đau đớn thể xác cũng có, tinh thần cũng có luôn. Hai ngày đầu có thể không sao. Nhưng đến ngày thứ ba có thể bắt đầu nhưc đầu, nhưc răng. Về điều này, Bác sĩ Quyển, người săn sóc sức khỏe cho Thượng Tọa biết rõ điều đó.

Một cuộc tuyệt thực như thế đòi hỏi tâm thức phải thanh thản như không sợ chết, không buồn, không vọng tưởng, không cầu, không mong. Thân như không có mà tâm càng lờ lợ. Vì thế, có thể ngồi mà đọc sách, viết được hai bản thảo. Và tuyệt đối không ăn, không uống, không chích. Bác sĩ Nguyễn Duy Tài có lần muốn xin chích thuốc, TT nhẹ nhàng từ chối. Chẳng hạn, uống sâm Cao ly cũng không được. Còn một tháng chót, sức lực của TT có phần yếu kém. Đây là cảm nghĩ của TT. Trí Quang: “Tôi nghĩ như thế này mà đi khỏi thân xác thì tuyệt vời. Đến ngày thứ 100 thì lại thấy thư thái, tâm lờ lợ và nghĩ: Thật là tiếc phải ngưng tuyệt thực.”

Trong lúc tuyệt thực như thế, có những người đóng vai ký giả, có thể đội lốt CIA đến thăm. Có những người đến mách bảo là Mỹ định quyết liệt với tôi. Lại có LM Nghi đến thăm, sau này là Giám Mục. Có bác sĩ Chủ tịch Phật giáo Âu Châu. Có đại diện nước Ý đến mời đi sang Ý. Có đại diện Thủ Tướng Nhật mời đi sang Nhật. Tôi đều từ chối cả, bởi vì đó là cách Thiệu Kỳ lừa để đưa đi lưu vong. (viết theo những điều được nghe kể lại... có thể có đôi chút thiếu một chi tiết... Nhưng những điểm chính yếu thì chính xác.)

Những điều vừa trình bày trên đây để thấy rằng những điều của tướng Kỳ viết ra chỉ là những điều biếm nhả và bất xứng?

Riêng thầy Trí Quang, sau vụ tuyệt thực 100 ngày, thể theo lời của Đức Tăng Thống, Thầy Trí Quang trở về chùa Ấn Quang như quy ẩn?

Sự quy ẩn của TT Trí Quang đánh dấu sự chấm dứt một thời kỳ xáo trộn và mở đường cho chế độ đệ nhị cộng hòa.

Trong ba năm xáo trộn. Một lần nữa cho thấy sự phá sản lần thứ hai của các đảng phái. Lần đầu, vào những thập niên 40-50, các đảng phái đã bị Việt Minh thanh toán, ruồng bắt làm tan rã các tổ chức đảng phái. Với cái chết của Nhất Linh, cộng thêm sự thất bại của Đại Việt với Nguyễn Tôn Hoàn, Hà Thúc Ký, Nguyễn Ngọc Huy... Từ đây trở đi, vai trò chính trị của các đảng phái rất là lu mờ.

Nghĩ lại trong giai đoạn này, biến động miền Trung 63 cùng lắm là một cuộc cách mạng nửa vời. Đánh đổ một chế độ độc tài xong thì không nhất thiết tự nhiên chúng ta có dân chủ. Đòi hỏi cho được dân chủ thì không nhất thiết ta có tự do. Câu hỏi chưa có câu trả lời là chúng ta đã được gì sau 63?

Ba năm xáo trộn đó, lỗi phải về ai? Người Cộng Sản trà trộn phá hoại? Người Mỹ can thiệp trắng trợn? Một số trí thức 30 trực lợi chạy theo phe phái, tôn giáo? Một số tướng lãnh bất tài và vô trách nhiệm? Công giáo, Phật giáo dùng ảnh hưởng và sức mạnh của đồng đạo cho những mưu cầu chính trị? Đây là những năm tháng tồi tệ nhất của miền Nam VN. Từ đó đưa đến chuyện người Mỹ can thiệp trực tiếp vào miền Nam VN dẫn đưa đến sự sụp đổ không tránh được. Cho đến lúc viết những dòng này, vẫn chưa có ai chịu nhận cái trách nhiệm bẽ bàng ấy?

Những khuyết điểm chính của cuộc tranh đấu Phật Giáo vẫn là không có một lãnh đạo nắm vững đường lối đấu tranh, sau này tạo ra chia rẽ hai khối: Ấn Quang và Quốc Tự. Ở những ngày đầu của biến cố Phật Giáo, TT Tâm Châu đã từng nói: Tâm Châu này chỉ có một chữ nhất.. Nhưng cũng chính TT trong cuốn Bạch Thư, xuất bản tại Montréal, Canada, TT đã quy trách ba năm xáo trộn là một quốc nạn cho Phật giáo. Ngay từ 15-5-1964, hai TT Tâm Châu và Trí Quang đã ra chung một thông bạch: “Không hề có sự rạn nứt giữa các nhà lãnh đạo Phật Giáo, nhất là giữa hai anh em chúng tôi”. Điều đó cũng không có cách chi cứu vãn khỏi tình trạng rạn nứt giữa hai khối.

Có nhiều lỗi lầm vượt khỏi sự kiểm soát của các thầy. Ông Đỗ Mậu gọi trong VN máu lửa gọi đó là thời kỳ mạt pháp của Phật giáo sau huy hoàng của 1963. (Trang 906.)

Chẳng hạn, thầy Trí Quang không chủ trương dùng tự thiêu để làm áp lực chính quyền, nhưng một số vụ tự thiêu ở Huế vượt tầm kiểm soát của Thầy. Vụ đem bàn thờ Phật xuống đường là trái với ý của TT Trí Quang. Nhưng TT đã nhận trách nhiệm về mình vì đã không ngăn cản kịp thời chuyện đem bàn thờ Phật xuống đường.

4.- Giai đoạn 4: 1966-1970a: Sự xất hiện của Trí thức khuynh tả

Trong giới trí thức, nhà văn lộ ra cho thấy tư tưởng bi quan, chán nản. Đây là thời kỳ bi tráng vì biến cố 1-11-1963 đã không đem lại một thay đổi gì như lòng mong đợi của mọi người. Chẳng những thế, nó còn làm cho tình thế mỗi ngày mỗi bi quan, tuyệt vọng. Tâm trạng trí thức trong thời kỳ này là mất tin tưởng đến tuyệt vọng. Hình như không còn một giải pháp cho miền Nam nữa?

A.- Trí thức khuynh tả

Những nhà trí thức khuynh tả có mặt với nhiều khuôn dạng khác nhau. Trước hết xin được kể một số tên tuổi. Nhất Hạnh, Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Trương Bá Cần, Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung, Thế Uyên, Thế Nguyên, Duy Lam, Trịnh Công Sơn, Phạm Duy, Phan Khắc Từ, Luật sư Ngô Bá Thành, nhà báo Ngô Công Đức, Lý Quý Chung, Nguyễn Hữu Chung, Luật sư Trần Ngọc Liễn.

Ở ngoài miền Trung, có nhóm tờ Lập Trường với các ông Lê Khắc Quyến, Tôn Thất Hanh, Lê Tuyên, Mai Văn Lữ, Cao Huy Thuần.

Từ đó, trong thời kỳ này, xuất hiện nhiều báo có xu hướng chính trị khác nhau, bày tỏ thái độ chính trị như chống Mỹ, hoặc chống chiến tranh, hoặc kêu gọi hòa hợp hòa giải, kêu gọi hòa bình, hoặc đưa ra giải pháp cách mạng về một xã hội không Cộng Sản. Đó là các tờ Quần Chúng Cao Thế Dung, Hành Trình với Thế Nguyên, Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung, Diễm Châu, Nguyễn Quốc Thái, Trần Tuấn Nhậm, Thảo Trường. Sau đó có tờ Đất Nước ra đời khi Hành Trình bị đóng cửa. Tờ Chọn của Trương Bá Cần và cuối cùng là Đối Diện của Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Nghi, sau 30 tháng Tư, tạp chí này đổi họ ra tờ “Đứng Dậy”. Chỉ một thời gian sau khi Nguyễn Ngọc Lan đi Hà Nội về viết bài: “Hà Nội tôi thế đấy”. Đảng và nhà nước cho là giễu chế độ, đình bản tờ Đứng Dậy, đẩy Nguyễn Ngọc Lan vào thế đối lập với chính quyền.

Những đề tài viết mà các trí thức khuynh tả hay phản chiến đề cập đến thường liên quan đến tình thế lúc bấy giờ. Rất cụ thể và cấp thiết. Chẳng hạn vấn đề chiến tranh và hòa bình. Vấn đề Công giáo, Phật giáo. Từ đó đưa những giải pháp để giải quyết những vấn đề đó. Chẳng hạn: Cùng nhau cảm thức về một nỗi buồn nhục tiếu. Để tiến tới một nền Hòa Bình Việt Nam. Chiến Tranh hay Hòa Bình? Mémorandum sur la guerre actuelle au Viet Nam remis par un groupe d'intellectuels Vietnamiens à la délégation universitaire Américaine, de passage à Saigon en Juillet 1965. Ai xây hạnh phúc cho toàn dân? Dung hòa chế độ độc tài quân phiệt và một nền dân chủ lành mạnh. Chia rẽ vì tôn giáo. Bàn về một chính sách. Anh em Phật Tử nghĩ gì về người Công giáo chúng tôi. Sự thất bại của chủ nghĩa nhân vị. Sống đạo hay chết vì đạo? Nhìn lại lịch sử chiến tranh Việt Pháp. Kinh cầu hồn cho chiến trận ĐBP. Không một vòng hoa, không một vòng tang. Những kẻ sợ hòa bình. Ai xây hạnh phúc cho toàn dân. Nói với đồng đội tiền tuyến. Cách mạng của người nghèo. Những kẻ sợ Hòa Bình. Độc tài hay Dân chủ? Cách mạng và dân chủ. Đối thoại giữa người Công giáo và Phật giáo... Hoàn cảnh cách mạng hay chiến tranh cách mạng, Tìm một hướng đi cụ thể cho cuộc cách mạng ở Việt Nam. Chiến tranh chống chiến tranh cách mạng. Bức tường Bá Linh. Le crépuscule de la violence. Mười Năm khai nguyên Cách mạng Algérie hay là cuộc chiến đấu chống lại sự nhục mạ con người... Fidel Castro trong vai trò lãnh đạo Cách Mạng Cuba. Sekou Touré trên đường giải Phóng Guinée. Trường hợp Nasser và Cộng Hòa Ả Rập

thống nhất. Đây là những đề tài đã được xuất bản trên các số báo Hành Trình. Điều đó chỉ ra rằng, có nhiều nhóm trí thức khuynh tả hay thành phần thứ ba chỉ là những nhóm hành động, đi vào thực tế và không có chủ trương lập thuyết hay trình bày quan điểm lý thuyết của mình, tí dụ như nhóm của Thầy Thích Nhất Hạnh với trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội, hay nhóm của Trần Ngọc Ninh v.v...

Đó là những đề tài trong đó người trí thức bày tỏ nỗi khăn khoăn, trăn trở của mình trước thời cuộc, hay trước hiện tình đất nước. Đồng thời muốn tìm ra những giải pháp và hướng đi cho mình. Ở thời điểm này, từ trí thức không còn chỉ thị những người trí thức tháp ngà, trí thức không tương. Người trí thức nay là người lên đường, trí thức có mặt. Nó mang một ý nghĩa đẹp và cao quý với tầm vóc nhân loại.

Cùng một ý hướng và tinh thần như trên, giới thanh niên sinh viên, trí thức Việt Nam, đặc biệt là giới trí thức trẻ, đã lao mình vào các công tác xã hội, như các chương trình CPS, chương trình Hè, hay Học Đường mới, chương trình du ca v.v... Xin tóm tắt là các phong trào Văn Nghệ tranh đấu tại miền Nam từ 1964 đến 1969 gồm các Phong Trào Tâm Ca, Tâm Ca phản chiến, phong trào Dân ca, phong trào Kháng Chiến ca, phong trào Da Vàng ca (1965) với những đòi hỏi chấm dứt chiến tranh, chấm dứt cảnh bom đạn, chém giết giữa người Việt với người Việt - ở Pleime, ở chiến khu D, ở Hà Nội, ở Chu Prong, ở A Chau - rồi khát vọng hòa bình, thống nhất đất nước. Những người tiêu biểu nhất là Trịnh Công Sơn, thơ Nhất Hạnh, thơ Trần Quang Long, Phạm Duy. Riêng trường hợp Phạm Duy xin để một dấu hỏi??⁴⁴

Những bài hát như Tình ca người mất trí, Ca dao Mẹ, Gia tài của mẹ, Ca khúc da vàng đã một thời đánh động tâm não của của toàn thể giới thanh niên trí thức miền Nam, ảnh hưởng tới tinh thần các binh sĩ trong quân đội VNCH.

Những sinh hoạt đó cho họ có cảm tưởng họ là những người trí thức đang làm cách mạng xã hội, đang xua đuổi nghèo đói và đốt nát ra khỏi những ngôi nhà ổ chuột, trong các con hẻm của Sài Gòn.

Đặc điểm của các trí thức thiên tả này là họ ít dính dáng cũng như có mặt của giai đoạn 9 năm cầm quyền của ông Ngô Đình Diệm. Hoặc do tuổi tác, hoặc do hoàn cảnh lúc bấy giờ chưa cho phép họ có cơ hội xuất hiện. Thêm nữa, phần lớn những người trí thức thiên tả này dùng ngòi bút, lời ca để bày tỏ lập trường của họ, thay vì trực tiếp hành động như trường hợp các ông Trần Văn Hương, ông Phan Khắc Sửu hay Trần Văn Tuyên trước đây. Cũng nhờ họ viết ra mà ngày nay chúng ta nắm bắt được những thao thức trăn trở, những quan niệm hay đường lối của họ.

Nói chung, quan điểm lập trường của những trí thức thiên tả có thể gồm những điểm sau đây:

- Chống sự can thiệp của Mỹ vào Việt Nam dưới mọi hình thức
- Chống chiến tranh vì cho rằng cuộc chiến Nam Bắc là một thứ nội chiến hay một thứ chiến tranh Ủy Nhiệm.

- Chống lại các chính quyền miền Nam, vì cho rằng họ chỉ là thành phần tay sai bản xứ do người Mỹ chỉ đạo.

- Có xu hướng thiên về phía người Cộng Sản.

- Đưa ra một đường lối thứ ba: Làm một cuộc Cách Mạng Xã Hội không Cộng Sản. Chủ trương này tuy vậy cũng có nhiều nhóm khác nhau: Nhóm Hành Trình với Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung. Nhóm Thái Độ với Thế Uyên, Duy Lam. Nhóm Lá Bối với Thích Nhất Hạnh và trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội. Nhóm của Chính Quyền với Trần Ngọc Ninh và Phong Trào Học Đường Mới. Nhóm của Mỹ với một số Giáo Sư Trung Học như Phan Văn Phùng, Charles Sweet, Hà Tường Cát, Đỗ Ngọc Yến với chương trình CPS. Sự sắp xếp và phân chia như trên cũng hết sức là tương đối và giới hạn. Chẳng hạn, khó để phân biệt sự khác biệt như thế nào giữa nhóm Hành Trình và Thái Độ.⁴⁵

Bài viết không thể dàn trải ra tới tất cả giới trí thức trên nên buộc lòng thu hẹp vào một nhóm tiêu biểu nhất của thời kỳ 1964-1965. Cũng trong bản báo cáo của Nguyễn Trọng Văn, ông cũng đã chọn nhóm Hành Trình vì một vài lý do như: Quan điểm về Một cuộc Cách mạng Xã Hội không Cộng Sản đã được trình bày rõ ràng và Hệ Thống nơi nhóm HT. Nhóm này đã gây được một ảnh hưởng nhất định trong giới Sinh Viên Học Sinh. Những đường lối làm một cuộc Cách mạng xã hội của nhóm Trí thức Hành Trình đã có sự hợp tác của những người như Lý Chánh Trung, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Ngọc Lan, Cẩm Xuyên, Trần Trọng Phủ, Trịnh Viết Đức, Trần Văn Toàn, Võ Hồng Ngự, Nguyễn Hữu Tấn Đức, Nguyễn Khắc Ngữ, Thảo Trường, Thế Uyên, Nguyễn Quốc Thái, Nguyễn Đông Ngạc, Hương Khê, Thế Nguyên, Trương Cẩm Xuyên, Nguyễn Ngọc, Thái Lăng, Nguyễn Vũ Văn, Trương Đình Hòe, Võ Hồng Ngự, Lê Tất Hữu, Đặng Thần Miến, Đỗ Phùng Khoan, Diễm Châu, Đỗ Long Vân, Nguyễn Đức Trinh.

Cần có một sự phân biệt để tránh ngộ nhận là: Nhóm Hành Trình, mặc dầu đa số là người Công giáo, nhưng họ không đại diện một chút sù nào cho giới Công giáo theo nghĩa tổ chức giáo hội như Hội đồng Giám Mục và giáo dân. Ngược lại là đảng khác, Hội đồng Giám Mục với đa số giáo dân thường chọn lựa lập trường người Quốc Gia, ý thức hệ tự do chống đối lại ý thức hệ Cộng Sản. Vậy thì nhóm Hành Trình phải được hiểu theo nghĩa là họ là những trí thức thiên tả, hoặc thành phần thứ ba, độc lập và đứng ngoài tổ chức Công giáo. Chính những người trong nhóm cũng biết rõ điều này và họ đã chưa bao giờ nhân danh Công giáo trong những lực chọn chính trị của họ. Và có thể, họ cũng không muốn nhân danh người Công giáo, bởi vì họ ý thức được rằng đa số những người đồng đạo đã không cùng quan điểm lập trường với họ. Họ vẫn bị gọi một cách mỉa mai là trí thức cấp tiến theo nghĩa xấu của chữ đó.

Có thể điều đó khác với các người trí thức Phật Giáo trong các nhóm thành phần thứ ba như các lực lượng hòa bình, hòa giải dân tộc. Phải chăng, họ nhân danh tư cách người Phật tử để hành động? Phải đúng như vậy, người trí thức Phật tử, mặc dù họ có lập trường chính trị thế nào thì họ vẫn tự xếp mình

vào khuôn khổ lập trường dân tộc, trong lòng dân tộc và tinh tự dân tộc. Cho nên những đòi hỏi của các lực lượng Hòa Bình, Hòa Giải Dân Tộc mang màu sắc Phật giáo thì cuối cùng cũng nhân danh dân tộc mà đòi hỏi... Phải chăng vì thế có thể chuyển hóa câu nói của Thượng Tọa Trí Quang: Đem tỏ lòng thù sử Phật thành đem tỏ lòng dết lịch sử miền Nam? (ý của Thái Kim Lan).

B.- Trường hợp Lý Chánh Trung. Một trí thức thiên tả tiêu biểu dẫn thân và nhập cuộc của nhóm Hành Trình.

Lý Chánh Trung là mẫu người trí thức thiên tả, dẫn thân và nhập cuộc tiêu biểu của một người trí thức miền Nam trong giai đoạn 1955-1975. Khi chọn lựa Lý Chánh Trung và nhóm Hành Trình trong phần này, như đã nói ở trên, họ chỉ đại diện cho trí thức miền Nam, đứng trên mọi quan điểm tôn giáo. Quan điểm đó có thể cũng là góc độ nhìn của người Cộng Sản khi phê phán trí thức miền Nam. Họ cũng mang nhóm trí thức này ra như trọng tâm phán xét của họ. Phần khác, về các lực lượng Hòa Bình, hoà giải dân tộc của các trí thức Phật Giáo... chính quyền Cộng Sản cũng không quan tâm cho đủ vì đã không đã động gì đến, phải chăng vì thiếu tài liệu? Phần người viết, cũng phải thú nhận là không hội đủ những tư liệu cần thiết để có thể triển khai một cách quán triệt về các phong trào này.

Tư tưởng chủ đạo của Lý Chánh Trung: Tìm về Dân Tộc

Tư tưởng chủ đạo của LCT là phải tìm về Dân Tộc mình. Dân Tộc đứng trên tất cả. Trên lý thuyết, trên chủ nghĩa, trên quốc gia, trên quyền lợi cá nhân. Sự tìm về Dân Tộc trước hết là do những cảm nghiệm thu thập được trong cuộc đời mỗi người từ bé đến lớn, từ những cái chết hy sinh, từ những gương sáng của những người đi trước. “..Mùa thu tháng Tám đã qua và đây là cảm nghĩ của tác giả: “Trong tháng Tám đó, lịch sử như ngọn thủy triều cuộn cuộn dâng lên, đưa chúng tôi về bờ dân tộc. Cả một dân tộc đứng lên và chúng tôi chứng kiến được cảnh đó... Chúng tôi đã thấy những cái chết oai hùng giữa những cái chết vô danh. Chúng tôi đã hiểu thế nào là một dân tộc. Noel. 1966. Và qua Dân tộc, người thanh niên trí thức đã tìm được một chỗ đứng. Lòng chúng tôi cũng rợp bóng gươm đao như lòng dân quê nước Việt. Và ít nữa là trong lúc ấy, chúng tôi đã tìm lại được một chỗ đứng, trên mảnh đất quê hương”á Hai cái chữ Dân Tộc từ nay sẽ ám ảnh mãi tác giả và trong suốt hành trình của một người trí thức miền Nam. Hai chữ này sẽ như ngọn đuốc soi đường chỉ lối cho người thanh niên đó đi theo.

Vào năm 1967, năm của những xáo trộn liên tiếp, kéo dài trong ba năm liền, tác giả trong một bài nói chuyện cho sinh viên Đại Học đã đặt ra câu hỏi: Và giữa lúc số phận của mỗi người chúng ta đang trôi nổi dạt dờ như con thuyền không bến, chúng ta còn biết bám víu vào cái gì, còn biết nương tựa vào đâu, nếu không phải là dân tộc Việt Nam?

Có nghĩa là, tác giả muốn nhắn gửi giới thanh niên không thể tin vào bất cứ chủ nghĩa nào. Chỉ có một con đường là tìm về dân tộc mình, ở trong lòng dân tộc.

Muốn thế, bắt buộc mỗi người chúng ta phải lựa chọn. Dựa theo tư tưởng của Triết gia người Đức Fichte. Lý Chánh Trung thấy rằng: “Chúng ta phải lựa chọn. Hoặc chúng ta sẽ là những đại diện cuối cùng của một dân tộc đáng khinh bỉ và sẽ bị hậu thế khinh bỉ đến một mức không thể tưởng tượng được. Hoặc chúng ta sẽ là một điểm khởi hành, sẽ là giai đoạn đầu của một thời đại mới mà sự huy hoàng sẽ vượt khỏi những giấc mơ táo bạo nhứt của chúng ta. Chúng ta hãy nghĩ rằng, chúng ta là những người cuối cùng có thể khơi động sự biến chuyển vĩ đại ấy”^á

Chúng ta theo dõi tiếp dòng tư tưởng của tác giả: Khi tôi tìm cho tôi một vị trí, một thể thức hiện hữu như một con người trong vũ trụ, thì con người đó chỉ có thể là con người Việt Nam, sống trên đất nước Việt Nam

Tôi sống giữa dân tộc và dân tộc sống nơi tôi.

Tôi không thể chọn lựa dân tộc cũng như không thể chọn lựa gia đình tôi... Nhưng đã là người thì chỉ có thể thành người giữa một gia đình, một dân tộc.

Và tác giả đưa ra một lời kết luận để mọi người cùng suy nghĩ: “Mỗi người chúng ta đang sờ soạng đi trong đêm tối chiến tranh, đau xót, phần uất nhưng vô cùng cô đơn và gần như tuyệt vọng. Nhưng đêm tối cứ mãi mãi bao trùm đất nước, đó có phải là vì không có ánh sáng hay chính là vì tất cả chúng ta đều đui mù và ngu dại như nhau?”

Vào năm 1971, trong một bài báo trên Chính Luận, nhan đề: Nghĩ về một số người trí thức ảo tưởng, 46 số ra ngày 10/1971, ông Ánh Việt đã lên án Lý Chánh Trung và đặt câu hỏi: Dân tộc hay chỉ là một nhãn hiệu... và quy kết đó là luận điệu của Cộng Sản. Ông viết: “Trên lãnh vực chính trị, hai chữ dân tộc có giá trị một nhãn hiệu kích thích tâm lý yêu nước của quần chúng, nhất là đối với lớp trí thức, đảng lôi cuốn họ tham gia vào con đường cách mạng vô sản quốc tế hoàn toàn xa rời quyền lợi của tổ quốc mình”. Sự truy chụp như thế có phần bất công không?.

Tư tưởng chủ đạo thứ hai: tranh đấu thực hiện công bằng xã hội.

Có thể nói Lý Chánh Trung là người viết ít, quá ít so với các giáo sư đại học khác. Viết đã ít mà nói cũng dè dặt. Chẳng hiểu có phải vì thế mà được trân trọng ở bất cứ nơi đâu. Trong nhóm Trí thức công giáo Phục Hưng, ở cấp lãnh đạo Thiên Chúa giáo cũng như lãnh đạo Phật giáo, trong giới đại học, ở giữa giới trí thức miền Nam hay cuối cùng giới sinh viên đại học Văn Khoa Sài Gòn, Huế, Đà Lạt. Người viết ít nghe điều tiếng gì về ông. Trong thời kỳ tranh đấu Phật giáo, ông đến gặp các thầy trao đổi qua lại. Chuyện trao đổi như thế nào thì không rõ. Ngay cả những người không cùng lập trường hay

chính kiến, cũng có sự dè dặt, chừng mực đối với ông... Phải chăng đó là mẫu người trí thức khả tín, được tin dùng? Thật ít có ai được như thế?

Viết chuyên môn về Triết kể như không có. Gần như ông chẳng tha thiết gì về chuyện đó. Bằng chứng là giáo trình của ông chỉ có một đề tài ông quan tâm là: Bạo động và Lịch sử. Trong đó ông cho rằng lịch sử chỉ là bạo động vì có những bất công giữa các thành phần trong xã hội. Có bất công là có và còn bạo động. Bạo động không ngừng, tranh đấu không ngừng. Có vẻ như ông nghiêng về những quan điểm tranh đấu giai cấp Chủ-Tớ của Mác. Nhưng có thể ông không chấp nhận đường lối bạo động, sát máu của chủ Nghĩa Mác-Lê. Vì thế, ông ảnh hưởng khá rõ nét triết gia Mounier trong chủ thuyết Personnalisme. Về điểm này, dù phải tốn thêm 10 trang giấy cũng cần nói cho ra lẽ. Cho đến bây giờ, ở trong nước, nhất là ngoài nước, người ta cứ nói rằng: Chủ nghĩa Nhân Vị Cần Lao ăn cắp, sào nấu lại chủ nghĩa nhân vị của Mounier. Làm gì có chuyện đó. Với những người nói như thế, họ chắc hẳn chưa bao giờ có dịp đọc các tài liệu Nhân Vị của Trung Tâm Vĩnh Long. Trong 9 năm cầm quyền của ông Diệm, chẳng có một cuốn sách nào ra hồn về chủ nghĩa ấy, trừ một vài cuốn lằng nhằng như Đường về Nhân Vị của một ông giáo viên ở tỉnh Kiến Hòaà Cái Trung tâm ấy chỉ dạy một thứ triết lý sơ đẳng, lù mù, không ai nuốt trôi nổi. Cái kết quả sau khi theo học những khóa ấy là người ta chỉ học được một điều: sự chán phèo cái thứ triết lý ấy. Cho dù có đọc, họ ít có cơ hội để tìm hiểu chủ nghĩa nhân vị của Mounier. Tờ Esprit bị cấm nhập cảng vào VN. Điều lạ mà có thật. Trong suốt 9 năm ấy, không một ai viết và nói về chủ nghĩa nhân vị của Mounier, trừ một lần duy nhất có một bài nói truyện của Lý Chánh Trung về Mounier. Như thế, ông Diệm và chế độ của ông không có liên hệ mảy may nào với chủ nghĩa của Mounier.

Ấu cũng là may cho Mounier.

Điều đó cho thấy chế độ cũ chẳng những không muốn phổ biến thuyết nhân vị Mounier, mà còn cố tình ngăn chặn sự phổ biến này. Lý do rất dễ hiểu: Thuyết nhân vị là một thuyết không biết điều chút nào, một thuyết rất nguy hiểm cho chế độ. Thuyết nhân vị của Mounier muốn làm một cuộc cách mạng xã hội cho người nghèo, cho cái xã hội làm than đói rách. Mounier đã suốt đời trung thành với lý tưởng ấy khi ông viết: “Họ là những người phải mang cây Thánh giá hằng ngày trong da thịt họ. Ông chẳng những muốn lật đổ chủ nghĩa tư bản bằng bạo lực, quét sạch cái tội trong chủ nghĩa ấy và cả cái chúng tôi của Cộng Sản.”⁴⁷

Đã như thế thì có gì liên hệ giữa chủ nghĩa nhân vị của Đệ I Cộng Hòa và chủ thuyết của Mounier?

Phần LCT, ảnh hưởng tư tưởng Mounier, ông luôn xếp hàng đứng về phía kẻ nghèo, kẻ bị bóc lột. Có những bài viết nhỏ, dài không quá 2 trang, ông cũng để lộ hết tâm tình bệnh vực người cô thế như: Thân Phận tôi đòi. Ông chủ xe hơi và cô thư ký. Hai giới Thanh niên. Những gót chân non

Trong một bài viết ngắn, đăng trên Hành Trình, số 2, tháng 11, năm 1964, ông đã cảnh cáo giới cầm quyền miền Nam lúc bấy giờ bằng những lời lẽ đanh thép và quyết liệt với tựa đề: Lá bài cuối cùng của miền Nam: Cách Mạng của người nghèo. Hãy lắng mà nghe đây.

“Lạy trời, xin cho dân tộc tôi một nhà Cách mạng ôm ôm một chút, nghèo nghèo một chút. Và đi bằng hai chân. Ai còn đi xe hơi (như tác giả bài này) thì có thể bàn đến cách mạng, nhưng đừng tự xưng là cách mạng.”

Đó là cái lối viết của dân Nam Kỳ, dù là Nam Kỳ trí thức đấy.

Vì rằng: chỉ có một thứ cách mạng, đó là cách mạng của người nghèo, của người ốm, người đói... cách mạng là thay đổi toàn diện và chỉ có người nghèo cần thay đổi toàn diện.

Và ông nhận xét về các chính phủ: “Khổ thay, từ 10 năm nay, các chánh phủ đều là chánh phủ của người giàu. Cho nên có thay đổi gì đâu. Và có chống Cộng được đâu... Càng “diệt cộng” thì cộng càng đông. Vì chỉ có một cách chống Cộng là giành kẻ nghèo với Cộng sản, là chống Cộng với kẻ nghèo, cho kẻ nghèo.”

Và ông kết luận không tương nhượng, không mầu mè nữa: “Tôi không biết cái chính phủ tương lai sẽ gồm những nhân vật tài ba nào. Có điều tôi tin chắc là nếu chính phủ tương lai không hội đủ ba điều kiện trên (Một chính phủ nghèo, một chính phủ của người nghèo và một chính phủ chân thật) thì có tài giỏi đến đâu cũng chỉ kéo dài thêm một thời gian cái tình trạng thối nát đến lợm giọng hiện nay mà thôi. Chính phủ tương lai nên nhớ cho một điều: về cái tài làm cách mạng giả hiệu, cái tài duy trì quyền hành của mình trên sự thối nát thì chắc chắn là đất nước này, không ai giỏi bằng ông Ngô Đình Nhu đâu.”

Tư tưởng chủ đạo thứ ba: thực hiện một xã hội chủ nghĩa không Cộng Sản

Có nhiều khuynh hướng khác nhau về một cuộc Cách mạng không cộng sản như nhóm của thầy Nhất Hạnh với trường Thanh niên Phụng Sự xã hội, nhóm của Mỹ với phong trào Học đường mới v.v...⁴⁸. Ở đây, chỉ trình bày đường lối của nhóm Hành Trình mà thôi.

Danh từ Cách Mạng xã hội chủ nghĩa không Cộng Sản chỉ xuất hiện từ 1964. Dựa vào tình thế bế tắc lúc bấy giờ, với một cuộc nội chiến tương tàn, không lối thoát, - vấn đề ai thắng ai thì cũng thế mà thôi - họ thất vọng cả hai phía. Phía Cộng Sản thì chủ thuyết Mác-Lê với thuyết duy vật sử quan đã tỏ ra lỗi thời. Những kinh nghiệm quá khứ cho thấy chủ nghĩa đó quá bạo tàn và khắc nghiệt như đã xảy ra ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Nội bộ các nước đó chia rẽ, đàn anh đàn em như trường hợp Nga Xô và nước Tàu. Về kinh tế cho thấy các nước theo XHCN đều rơi vào tình trạng lạc hậu, thụt lùi. Đối với phe Tự do thì chỉ cho thấy chế độ tư bản chỉ là duy trì cơ cấu bóc lột chuyển từ hình thức thực dân cũ sang thực dân mới. Tư bản Mỹ duy trì tình trạng chiến tranh ở VN mà nguy cơ là chắc chắn không thể

thắng được. Quan điểm này cho rằng có thể có một đường lối thứ 3. Có nghĩa là không chấp nhận cả hai khối Tự Do và Cộng Sản. Vì cả hai đều có những nhược điểm. Vì thế, người ta có thể thực hiện một cuộc cách mạng xã hội bên ngoài đường lối Cộng Sản?

Theo Lý Chánh Trung, các nước Á Phi, Châu Mỹ La Tinh chỉ có thể thoát khỏi tình trạng tủi nhục của sự lệ thuộc, đói rách, thối nát, bất ổn khi nào có can đảm thay đổi toàn diện những cơ cấu mục nát do chế độ thực dân để lại, dám thất lưng buộc bụng để tạo dựng những cơ sở vững chắc hầu có thể tự mình giải quyết những vấn đề của mình. Nghĩa là phải phá bỏ cơ cấu bạo động bóc lột do thực dân để lại. Trong lời mở đầu của cuốn Cách Mạng và Đạo Đức, Lý Chánh Trung viết: “Tại các nước chậm tiến, cách mạng xã hội là một vấn đề sanh tử, một vấn đề danh dự”

Tại miền Nam, thay vì làm cách mạng xã hội, người ta chống Cộng. Nhưng thật ra chỉ có một cách chống Cộng hữu hiệu nhất là làm cách mạng xã hội. Các đảng phái, nhà cầm quyền chỉ biết chống Cộng, nhưng lại duy trì cơ cấu thối nát thay vì làm cách mạng cơ cấu đó.

Nhưng ai là người có thể làm cuộc Cách mạng xã hội đó? Các tầng lớp lãnh đạo, giai cấp thống trị quan liêu dựa vào thế lực ngoại quốc, thành phần trung gian cấu kết với tư bản ngoại quốc đều là thứ phá sản không dùng được. Nhưng người ta vẫn có thể kỳ vọng vào giới trí thức trẻ, giới chuyên viên, giới sinh viên học sinh miền Nam, chưa biến thành lớp trưởng giả thành thị, chưa bị thoái hóa để đảm nhận vai trò lịch sử đó.

Không thể tin tưởng vào những giải pháp quân sự hay sự can thiệp của Mỹ vào miền Nam. Miền Nam chỉ còn một lối thoát là làm cách mạng xã hội không Cộng Sản. “Muốn có một chính quyền mạnh, vừa phải đối phó với Cộng Sản, vừa phải độc lập cả với Mỹ thì điều kiện tiên quyết là phải được lòng dân và dựa vào dân. Muốn có hậu thuẫn trong dân chúng, phải làm Cách Mạng xã hội,” CMĐĐ, trg 103).

Trình bày một số nét chính chỉ đạo để tìm hiểu người trí thức miền Nam qua Lý Chánh Trung. Người viết thấy rằng có thể đặt VN và bối cảnh tình hình thế giới. Kinh nghiệm 20 năm tranh đấu để giành độc lập của các nước Á Phi từ trước tới nay cho thấy: Con đường phải đi tới là làm một cuộc Cách mạng xã hội thực sự. Không phải chỉ có Cách Mạng xã hội mà còn độc lập thực sự.

Nếu nói như thế thì ở miền Nam Việt Nam, sau 1963, nhất là từ những năm 1966 trở đi, đã hình thành một loại trí thức thiên tả, hay còn gọi được là thành phần thứ ba.

Những người trí thức thiên tả thấy rằng vấn đề VN không thể giải quyết bằng quân sự. Người ta không thể cứ đánh nhau mãi. Người Mỹ thì không có chọn lựa nào khác là phải có một chiến thắng quân sự. Nhưng nào họ đã đạt được gì?

Họ sẽ phải leo thang chiến tranh, đổ thêm quân, thêm chiến cụ. Tình thế sau này cho thấy người Mỹ càng lún sâu vào chiến tranh VN mà không lối thoát. Phía chính quyền VN thì nay đều là các tướng lãnh. Họ không hề có cái nhìn nào khác như hòa giải, hòa hợp hay bắt tay, thỏa hiệp. Họ chỉ có một con đường là tiến hành chiến tranh cùng với Mỹ. Đánh và đánh mà đánh, đánh cho đến được hoặc trong hoàn cảnh này sẽ là thua. Họ để cho thôn quê bị tàn phá, thành thị xáo trộn, mất chủ quyền, đảng phái chia rẽ, phân hóa hoặc làm bù nhìn. Chính quyền tỏ ra yếu ớt, bất lực không giải quyết được những nan đề xã hội đặt ra.

Nhiều người đã tự hỏi Cách Mạng xã hội là lý tưởng hay ảo tưởng? Có thể trả lời là mục đích đặt ra là lý tưởng. Nhưng cách thực hiện có thể đưa đến ảo tưởng..? Có thể có sai lầm và ảo tưởng ở phương thức cách mạng, ở đường lối thực hiện chứ không ở lý tưởng cách mạng. Vì thế, có người cho rằng trong tình hình hiện nay, làm cách mạng xã hội chỉ là một ảo tưởng.

Đã có khá nhiều khuynh hướng chia rẽ nhau về làm thế nào để làm cách mạng xã hội? Tôi dám gọi hiện tượng sinh viên tham gia các công tác xã hội là giai đoạn của một ý thức mới, ý thức của người trẻ trước hiện tình đất nước, dân tộc. Có hăng say, có lý tưởng, có va chạm thực tế để nhìn tận mặt thực trạng xã hội VN. Và họ, những thanh niên đó là thế hệ những người trí thức mới. Không thể phủ nhận được điều đó. Điều công nhận trên đặt ra vấn đề có nên chủ trương phải làm cách mạng giải phóng dân tộc, trước khi làm cuộc cách mạng xã hội, đồng thời đánh giá các phong trào trên là một ảo tưởng của giới trí thức trẻ?

Chẳng hạn khi các thanh niên thời ấy lao mình vào các công tác hè, chương trình CPS hay Du Ca thì đó có phải là một ảo tưởng Cách Mạng không? Họ có ảo tưởng làm cách mạng xã hội, trong khi thực sự họ đang phục vụ cho một thể chế, một guồng máy chính quyền không phải là cách mạng? Cho nên, trước hết, họ phải làm cuộc cách mạng giải phóng, phải có chủ quyền thì mới có thể nói làm cách mạng xã hội được?

Dù sao những quan điểm, cái nhìn của các trí thức thiên tả cũng giúp soi sáng ra một lối ra cho VN. Ngoài giải pháp quân sự, còn có một con đường thứ ba để có thể thoát khỏi cái guồng máy chiến tranh đã nghiền nát bao nhiêu thế hệ thanh niên vào cái chết vô ích. Người ta không thể đánh nhau mãi. Phải tìm một giải pháp mà giới trí thức thiên tả đã đề nghị ra. Quan điểm của các giới trí thức thiên tả cũng có ảnh hưởng trên trí thức trẻ VN ở tại Âu Châu. Phần đông giới trí thức VN ở Âu Châu chủ trương một lập trường trung lập Position neutraliste, nhưng không Cộng Sản non communiste.

Vào năm 1968. Liên đoàn Sinh viên và thợ thuyền ở Paris đã đưa ra một lập trường như sau: “Le peuple vietnamien ne veut pas la paix que les communistes voudraient lui imposer. Il veut la paix dans la

dignité humaine. Il veut, en même temps, une profonde révolution sociale pour assurer l'avenir de la République Vietnamiennne”

Quyết nghị trên đã được khoảng 500 sinh viên có mặt ở Mutualité đồng ý. Trên những tấm pancartes, người ta đọc thấy những câu như: Révolution sociale, oui, communisme, non.⁴⁹

Trí thức khuynh tả và ảo tưởng trí thức?

Người trí thức khuynh tả có khuynh hướng dễ rơi vào chỗ chỉ ỏi suông mà không làm, sợ dân thân, sợ dính dáng vào những hành động cụ thể vì đụng chạm đến quyền lợi tinh thần hay vật chất mà họ đang thừa hưởng. Người trí thức khuynh tả cũng như mọi người. Có một cái đầu và một cái bụng. Chính cái bụng nuôi cái đầu. Cái đầu có thể lên tiếng, nhưng cái dạ dày không lên tiếng. Cho nên cái quyết định và thắng cuộc chính là cái bụng. Người trí thức chùn bước, nói mà không làm, nói mà sợ, mà run. Tệ hơn nữa, đi tới chỗ giả vờ, hai mặt, nói một đằng làm một nẻo. Đó là những người trí thức salông, trí thức phòng trà. Ít lắm thì cũng rơi vào ảo tưởng trí thức, ảo tưởng chính trị. Nhờ thứ ảo tưởng này họ vẫn ăn no, mặc đẹp, vẫn hưởng thụ cái mà họ lên tiếng hủy bỏ vì do bóc lột. Đồng thời họ tạo được một thứ lương tâm yên ổn như thể đã làm xong, đã chu toàn công việc. Đó là thái độ “rửa tay của Pilate”, của những người có bàn tay sạch. Nhưng điều đáng buồn là không phải tất cả các tầng lớp thanh niên trí thức ở Châu Phi, ở Châu Mỹ La Tinh hay ở một số các nước chậm tiến trong vùng Đông Nam Á như Việt Nam đều có tinh thần dân thân và nhập cuộc như trên. Đa số họ là thành phần được ưu đãi dư giả, theo đòi nếp sống hưởng thụ, sống lấy được, chơi lấy được, thu vén lấy được bằng bất cứ giá nào... Đó là sự phá sản tinh thần toàn diện dẫn đưa cả một thế hệ tụt dốc và trì trệ. Hậu quả là họ đánh mất hết ý thức về dân tộc, về đất nước, về tình tự con người. Đó là một sự phá sản tiệm tiến và ngoạn mục, có triển hạn, tùy thuộc vào mức độ gia trọng trong thế chờ đợi chín mùi một cuộc cách mạng xã hội lần thứ hai, sau cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Ảo tưởng của trí thức khuynh tả là họ kết án chiến tranh, nhưng vô tình, họ vẫn thừa hưởng tất cả những gì mà cuộc chiến đó đem lại cho họ.

Xin trích dẫn một vài đoạn trong một số bài hát vào năm (1965):

Tôi sẽ hát to hơn súng nổ bên bờ ruộng già
Lời tôi ca, lời tôi ca xin lúa đừng loà
Tôi sẽ hát to hơn những kẻ khơi ngọn lửa thù
Lời tôi ca, lời tôi ca như suối rừng thu

Ở một chỗ khác:

Khoác áo màu đen mặc màu dân tộc
Chiếc áo màu đen nhuộm màu đấu tranh
Màu đen màu tối ám, vùng lên để chiến thắng?
Đẹp tan màu son, màu phấn điểm đàngà

Và trong những tình huống nào để có *những bài ca nổi giận* (chanson en colère), cũng chính cái người nghệ sĩ ấy:

Vi giống nòi, tôi giết, phải giết.
Giết vạn người, giết vạn người
Vi lý tưởng tôi phải giết, phải giết.
Giết triệu người, giết triệu người

Chưa hết đâu:

Vi nhân loại tôi phải giết, phải giết
Giết trọn loài người, giết trọn loài người...

Cũng cùng thời điểm đó, cũng cùng một con người ấy, từ 1965 đến 1968, chúng ta được nghe những bài hát như của một văn công cổ động thanh niên đi lính: Một Hai Ba chúng ta đi lính cả làng. Chiến sĩ gương mẫu, Mừng ngày sinh chiến hữu, Nông thôn quật khởi, Tay súng tay cây, Khoác áo màu đen. Tôi tự hỏi, có thể có một nguồn cảm hứng trái khoáy và đốp chát nhau trong cùng một con người như thế không? Chỗ nào là khát vọng chân thành và chỗ nào là ngụy tín? Chỗ nào là tiếng nói của lương tri của cái đầu và chỗ nào là thị phần của cái dạ dày trong cùng một con người?

5.- Giai đoạn 5: 1970-1975: Trí thức dần thân, nhập cuộc.

Tình hình chiến sự đã đến hồi quyết liệt. Lòng người giao động. Viễn ảnh một cuộc thua trận gần kề. Nhiều trí thức nghĩ đến một giải pháp thứ ba, giải pháp hòa hợp, hòa giải dân tộc sống trong hòa bình. Nhưng đây cũng chỉ là một ảo tưởng, vì miền Nam VN lúc bấy giờ lấy gì đủ cân sức để có thể nói chuyện với phía bên kia? Một số lớn trông vọng vào những giải pháp hòa giải như một cái giấy triển hạn kéo dài một niềm hy vọng đã không còn hy vọng nữa.

Rất nhiều trong số bọn họ còn trẻ đã quyết định chọn lựa những con đường khác nhau mà họ cho là lý tưởng, thích hợp. Xin trích dẫn bằng một vài chứng từ.

Biên giới ngày 8-1-1967.

Thưa G.Sà

Đêm nay một đêm gió bắc lạnh căm miền rừng núi Châu Đốc. Tôi, một kẻ vừa rời bỏ cái thành phố Sài Gòn hoa lệ-túi nhục đầy dẫy phi lý, vừa già từ một đời sống học trò, mê ngủ, ngâm thơ và chán chường, viết bức thư tâm sự này đến G.S trong khi chờ sáng để lên đường theo kháng chiến... Qua nhiều tháng bần khổ, khắc khoải, qua những điều mắt thấy, tai nghe bằng kinh nghiệm sống bản thân và nhất là qua những thổi thục, châm ngòi bởi những “Nhận Định”, khai phá dưới hình thức văn chương của G.S và một vài tác giả cách mạng khác, tôi đã đi đến một quyết định cuối cùng dứt khoát, cầm súng về với quân chúng đông đảo đang làm lịch sử, đào thoát một day dứt, một bế tắc nội tâm và cũng là để chứng

tỏ câu nói của GS với người Mỹ: “VN không phải là Phi Luật Tân, còn người VN cuối cùng là còn chiến đấu”.

Và thưa bây giờ, tôi một thanh niên hai mươi tuổi, cái tuổi của thế hệ mà G.S đang góp phần đào tạo chỉ đạo, đã mạnh dạn đứng hẳn về một bên, và nó mong mỏi rằng cái bên mà nó chọn lựa không làm thất vọng và trái ý G.S. Riêng nó, nó cũng tin tưởng sắt đá rằng chỉ có đó là con đường duy nhất, là một giải pháp xác thực, cần thiết cho những kẻ đang mang xừ mạng, trách nhiệm trước một dân tộc thống khổ nghèo đói của họ.

Mặc dù đây trong quyển ND4, G.S có đề cập đến giải pháp: “Xã hội chủ nghĩa không Cộng Sản”. Nếu tôi không hiểu ngầm ý rằng có lẽ G.S nguy trang trước nhiều kẻ thù đang hướng mũi dùi vào G.S thì tôi có quyền phạm thượng kết luận rằng với điều ấy, G.S đã gây một huyền diệu mong đợi, chờ thời vận cho những người, nhất là S.V.H.S đang còn hoang mang trước ngã ba đườngà

Rồi một ngày thanh bình nào đó không biết, tôi có còn được gặp G.S không? Để được đọc bài của G.S, để có một kết luận cho vấn đề nếu cần. Với bom đạn hiện đại của đối phương, khốc liệt và dòi dào, việc cá nhân tôi tái ngộ G.S là một chuyện hi hữu, nhưng đưa đang viết thư này đây, một phân tử li ti, 1/25 triệu có thể sẽ tiêu tro như gần 50 chục ngàn kháng chiến quân, theo ước lượng của Mỹ, đã tiêu tro trong năm 1966, nhưng nhất định cuộc làm lịch sử vĩ đại của dân tộc không bao giờ chùng bước, hay đầu hàng. Mạng sống quý giá thật, người ta chỉ có nó một lần thôi. Nhưng thật là đốn mạt hèn nhát, nếu người ta không dám hy sinh nó cho danh dự dân tộc, cho xã hội tiến bộ, cho một quần chúng nghèo đói, bị thống trị, áp bức. Hai ngàn năm lịch sử Việt đã chứng minh điều đó.

Thú thật với G.S, tôi chưa từng bị một cán bộ C.S nào tuyên truyền cả. Việc cầm súng là do tôi tự quyết định và tự tìm đường đến mặt khu. Có bị tuyên truyền chăng là hơn 10 năm nay tôi bị nhồi sọ, nghe, đọc không biết bao nhiêu bao nhiêu là chiêu bài Chống Cộng của thứ chính trị Văn Hóa ở cái miền Nam gọi là tự do này...

Cuối thư, xin G.S xí xóa cho nếu kẻ hậu sinh này đã múa rìu qua mắt thợ.

Kính chào Giáo sư.

Trường Kháng. Lê P.Đ50

Chẳng hiểu người học sinh lớp đệ nhất viết lá thư này, nay có còn sống không? Và nếu còn sống thì anh đã nghĩ gì? Và điều anh nghĩ có khác với 40 năm trước không?

Trong số họ, ở ngoài miền Trung, có những người như anh em Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Nguyễn Đắc Xuân đã bỏ thành ra bung. Ngô Kha chết trong tù. Họ đã chọn lựa hay bắt buộc phải chọn lựa ra vùng kháng chiến? Chúng ta tôn trọng những chọn lựa ấy. Gọi họ là khuynh tả chỉ là một cách nói. Thật sự, họ đã chọn lựa theo phía bên kia, tức là chọn lựa con đường võ lực, dùng chiến tranh như một giải pháp tối hậu và cuối cùng của miền Nam. Họ đã chọn lựa là Cộng Sản, đứng về phía cộng sản và bên này là quốc gia. Và cũng yêu cầu họ tôn trọng cái chọn lựa của những người chọn lựa ở lại. Tôi bắt buộc phải nói ra ở đây một người trong đám họ là Hoàng Phủ Ngọc Tường bởi vì ông đã không tôn trọng cái nguyên tắc vừa nêu trên. Trong một bài viết, “Về chính sách của Hà Nội và thái độ của một số nhà văn miền Bắc”, tôi đã nêu ra trường hợp ông HPNT như sau: “Ông nổi tiếng ở miền Trung một thời về những hoạt động chính trị có tính cách khuấy động, sau đó bỏ đi bung. Chúng tôi tôn trọng sự chọn lựa của ông, cũng không ít người đã làm như thế. Tỉ như Vũ Hạnh, Thanh Nghị, Sơn Nam, Lữ Phương. Chỉ có điều, tình cờ tôi đã đọc một cuốn ký viết về những giai đoạn ông đi theo bộ đội. Những điều ông viết cũng chẳng đáng gì cho tôi quan tâm, vì đã có hàng trăm, hay đội ngũ các nhà văn miền Bắc đã đều nghĩ và viết cùng một cách như ông. Chỉ có một điều duy nhất nhắc nhờ ông, giữa cái đạo lý chiến tranh và đạo lý con người, trong ứng xử, dù đối với kẻ thù, không cùng quan điểm lập trường, vẫn có những cái tối thiểu cần tôn trọng, ít nhất, ông cũng là một trí thức đào tạo ở miền Nam. Cũng có bà con, anh em là “lính Ngụy”. Không lẽ ông quên họ sao? Trong cuốn ký, chốc lát, thái độ của ông trở thành hung hãn còn đờ. Ông xách mé gọi người lính Cộng Hòa là thằng lính Ngụy, thằng Diệm, thằng Thiệu. Những người Cộng Sản thứ thiệt gọi như vậy còn nghe được. Nhưng ông thì không được”.

30 tháng Tư, ông trở về cũng khó khăn lắm mới được cái thẻ đảng viên Cộng Sản. Những chuyện ông thúc ép Trịnh Công Sơn làm hết bản thảo này đến bản thảo khác cho vừa ý ông, thì ông ăn nói làm sao? Nhưng sờ dĩ buộc lòng viết về ông, vì nay trên Net Có Đờ, trong mục Văn Học thi ca, sọ ra ngày 21-6-2005, ông đề cho một đàn em tên Nguyễn Xuân Hoàng hỏi những câu cò mồi có tính cách xuyên tạc các phong trào tranh đấu ở miền Nam

- thứ nhất, ông tự phong cho mình cái nhãn hiệu: Tôi sinh ra là để làm báo? Ông làm báo SV Huế tổng cộng phỏng có được một năm? Hay là báo đảng? Ông cũng quên không nhắc gì tới tờ Lập Trường? Ông tự mình, tự phong như: Đường như Thiên mệnh của tôi sinh ra là để làm báo chứ không để làm văn. Nghe khiếp quá.

- thứ hai, ông ôm tất cả cái công đầu cho công việc tranh đấu thực thi dân chủ ở miền Nam là của Phong trào tranh đấu đô thị? Không một chữ đến biển cô tranh đấu Phật Giáo miền Trung?

- thứ ba, trong những thành phần tham gia trong phong trào đó, ông chỉ nhắc đến giới sinh viên, thợ thuyền, xích lô, giáo giới, tiểu thương mà không nhắc nhở gì đến thành phần Phật tử vốn là ngòi nổ của những phong trào ấy? Xích lô thì không biết ở Huế có bao nhiêu người? Nói đến thành phần xích lô là chỉ để nịnh chính quyền?

- thứ tư, ông lại mắc vào cái tội dùng chữ để mạ lỵ những người không cùng một chiến tuyến với ông. Ông gọi là bọn Ác Ôn. Tôi nghĩ ngày nay, ít ai còn dám gọi những từ xách mé như thế nữa.

Nhắc đến ông như thể tiêu biểu cho giới trí thức tiểu tư sản thành thị trước sau rồi cũng lấy cái bụng làm tiêu chí đời sống.

Ở Sài Gòn, người ta cũng thấy có một số trí thức đã quyết định đứng về phía người Cộng Sản, nghĩa là có tiếp xúc và đồng thời có người đã ra vào khu, nhưng vẫn ở lại thành phố, hoặc có thể đảng viên đảng Cộng Sản. Đó là giới trí thức hoặc là thiên tả, hoặc là thành phần thứ ba, nay đã chọn lựa đứng về phía người Cộng Sản thì chữ trí thức khuynh tả hoặc thành phần thứ ba phải được hiểu trong một chừng mực dè dặt.

Sau đây là danh sách những nhà trí thức thuộc thành phần thứ ba và hiện nay có vai trò, hoặc đã có vai trò, hoặc chỉ cốt ẩn nấp qua thời, hoặc như một chọn lựa bất đắc dĩ, hoặc đã thay đổi lập trường, hoặc nay đã bị thất sủng bị đá văng ra ngoài, đã phục vụ với chính quyền Cộng Sản:

Họ là Cao Thị Quế Hương, Chân Tín, Hồ Ngọc Nhuận, Huỳnh Công Minh, Sư Huỳnh Liên, Huỳnh Tấn Mẫm, Lê Văn Giáp, Lê Văn Nuôi, Lê Văn Thới, Lý Chánh Trung, Lý Quý Chung, Ngô Bá Thành, Ngô Công Đức, Nguyễn Duy Thông, Nguyễn Hữu Hiệp, Nguyễn Long, Phạm Biểu Tâm, Phan Khắc Từ, Thích Minh Châu, Tôn Thất Dương Ky, Trần Ngọc Liễng, Trần Thúc Linh, Triệu Quốc Mạnh, Trịnh Đình Thảo, Trương Bá Cần, Võ Đình Cường, Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Đình Đầu, Trần Hữu Quảng, Võ Thị Bạch Tuyết, Vương Đình Bích.⁵¹

Trong số những người trên, có một số đã ký vào bức thư gửi những người bạn Âu Châu (Lettre aux amis d'Occident) để biện hộ cho chính quyền Cộng Sản bằng những lời mở đầu sau đây: Nous, intellectuels de l'ancien Sud Viet Nam, profondément indignés par la bruyante campagne de calomnie et de dénigrement menée dans certains pays occidentaux contre la République socialiste du Viet Nam, notre patrie, estimons de notre devoir de publier la présente lettre vào ngày 28 tháng sáu, 1979. Họ có tên như sau: Hồ Đắc An, Trương Bá Cần, Võ Đình Cường, HT Thích Minh Châu, Kim Cương, Lý Quý Chung, Trần Văn Du, Ngô Công Đức, Nguyễn Ngọc Hà, Nguyễn Hữu Hạnh, Vũ Hạnh, Trần Vinh Hiến, Tôn Thất Dương Ky, Bùi thi Lãng, Trần Ngọc Liễng, Trần Thúc Linh, Nguyễn Long, Phạm Hoàng Hộ, Châu Tâm Luân, Sư Huỳnh Liên, Huỳnh Công Minh, Triệu Qyuoéc Mạnh, Nguyễn Vinh Mỹ, Hồ Ngọc Nhuận,

Nguyễn Quang Nhạc, Chu Phạm Ngọc Sơn, Phạm Biểu Tâm, bà Ngô Bá Thành, Trần Kim Thạch, Lê Văn Thới, Ngô Văn, Lý Chánh Trung, Đinh Xáng.52

Kể từ 1970, mọi chuyện không còn như cũ nữa. Nhiều chuyện hướng chính trị, nhiều bản khoản, lo lắng, nhiều toan tính như tìm lối thoát chạy cách này cách khác. Như tìm đường ra ngoại quốc. Như tìm đường vào khu. Như tìm đến một giải pháp ảo vọng nhằm tháo gỡ tình hình đen tối của miền Nam như các phong trào hòa hợp, hòa giải, hay phong trào Hòa Bình cho Việt Nam. Binh lính, sĩ quan mất đi niềm tự hào vốn sẵn có: Đánh là thắng, đánh là đạt chiến công, đánh là Việt Cộng bỏ chạy. Một số chính khách xôi thịt vẫn tìm cách vơ vét vào chuyến tàu chót..

Tất cả như chờ đợi một điều gì đó sẽ xảy ra trong cái hy vọng mong manh ảo tưởng. Ảo tưởng về người Mỹ, ảo tưởng về sức mạnh quân sự vẫn là lối thoát duy nhất.

Trí thức miền Nam thiếu một nhà lãnh đạo khả tín trong suốt 20 năm.

Thiếu một hòn đá, đặt đúng chỗ, có thể chuyển hướng cả một dòng sông. Tìm đâu cũng không thấy. Có thể trách người Mỹ trực tiếp nhúng tay vào tình hình chính trị, quân sự của miền Nam. Có thể trách người Mỹ trực tiếp là nguyên do cho sự sụp đổ miền Nam Việt Nam. Nhưng chính tự miền Nam không đưa ra được một gương mặt chính trị nào có tầm mức có khả năng chuyển đổi? Không. Không có. Trong nhiều tình huống, nhiều trí thức đã được dùng như một lá bài khác nhau và cuối cùng cũng không đạt được kết quả mong muốn. Cụ Phan Khắc Sửu đã là Tổng Trưởng Canh Nông trong danh sách nội các đầu tiên của chính phủ Ngô Đình Diệm vào ngày 5-7-1954. Hơn hai tháng sau, trong lần cải tổ nội các, tên Phan Khắc Sửu đã không thấy nữa. Phải đợi đến vụ Trí thức Caravelle, người ta thấy tên cụ trong danh sách 18 người. Rồi đi tù. Ngày 8-9-64, cụ có tên cùng với danh sách 16 người trong Thượng Hội Đồng Quốc Gia. Ngày 27-9-64 làm chủ tịch Thượng Hội Đồng Quốc Gia. Ngày 24-10 làm Quốc Trưởng. Một lần nữa, Hội Đồng Quân Lực bổ nhiệm cụ Phan Khắc Sửu làm Quốc Trưởng. Cuối cùng thì cụ Sửu và Thủ Tướng Phan Huy Quát đều rút lui. Tất cả những thời kỳ tham chính của cụ cộng lại không biết có đủ một năm không? Trách nhiệm và những chức vụ cụ nắm giữ nay còn mai mất như thể một thứ đám bớp thời cuộc, một thứ tạm thời vá víu. Cứ như thế suy ra các trường hợp của các trí thức khác như cụ Trần Văn Hương và ông Phan Huy Quát. Cứ bấy nhiêu nhân vật, cứ bấy nhiêu tình huống cần lấp đầy một khoảng trống, khoảng trống lãnh đạo miền Nam. Người vẫn chùng đó chờ đến khi tình thế bắt buộc lại lôi ra nhét đầy khoảng trống? Bởi vì không có người hay người không đủ gánh vác thời cuộc?

Đó là đặc điểm của giới trí thức lãnh đạo miền Nam.

Đặc điểm thứ hai là giới trí thức ấy không đủ tầm vóc nên dễ đưa vào chỗ tin tưởng đến hoang tưởng và thiếu thực tế. Các trí thức thành phần thứ ba (La Troisième-Force) đưa ra một giải pháp Cách mạng XHCN Không Cộng Sản trong tình huống lúc bấy giờ là một điều khó thực hiện được. Cộng Sản phía bên kia, Mỹ còn đó với một chính quyền dựa hoàn toàn vào Mỹ? Dựa vào điều kiện khách quan nào, dựa vào nhà lãnh đạo nào để có thể có điều kiện thực hiện một cuộc cách mạng cho người nghèo? Một cuộc cách mạng không Cộng Sản? Lý Chánh Trung đã trả lời về vấn đề này cho nhà báo Pháp khi được hỏi về sách lược của các nhóm thành phần thứ ba. Ông nói: “La troisième force, C'était une grande aspiration plutôt qu'une force réelle. Seules quelques centaines de personnes étaient organisés. Ces groupuscules étaient ouverts à tous les vents, à toutes les influences. Ils n'avaient aucune idéologie précise”⁵³. Vâng nó chỉ là một khát vọng hơn là một thực lực thực tế. Tổ chức vồn vện có vài trăm người. Nhóm người đó mở ra mọi phía và đón nhận nhiều ảnh hưởng. Vì thế, họ không có một ý thức hệ chính xác nào. Điều mà họ mong muốn là thay thế lá bài của chính quyền Sài Gòn với Nguyễn Văn Thiệu để có thể nói chuyện với phía bên kia. “Et cette dernière raison explique pourquoi certains Vietnamiens pensent que Thiệu ne constituent pas la dernière carte Américaine dans le Sud. Cette dernière carte, c'est la Troisième Force et les Américains seront sans doute amenés à la jouer, sans doute mal ou trop tard”⁵⁴. Thực tế là lá bài đó chẳng ai đếm xỉa đến cả.

Cuối cùng, sau 30 tháng Tư, bọn họ gồm những người như Ngô Công Đức, Lý Quý Chung, Hồ Ngọc Nhuận, Nguyễn Hữu Hiệp, Hồ Ngọc Cứ, Nguyễn Văn Bình, Trương Lộc, Phan Bá, Hoàng Ngọc Biên co cụm lại chung quanh tờ Tin Sáng mà số phận của nó ra sao thì ai cũng biết?

Những giải pháp Trần Văn Hương, rồi Dương Văn Minh vào phút chót của miền Nam trước ngày 30 tháng Tư cho thấy rõ thêm điều đó. Một thứ giải pháp không giải pháp, một thứ hy vọng của sự tuyệt vọng, một thứ còn nước còn tát.

TT Dương Văn Minh, Tổng Thống của bốn mươi giờ còn lại làm công việc cúi xuống nhặt cái chính quyền Sài Gòn nằm lẫn lộn trong đồng rác thành phố để rồi giao cái chính quyền ấy cho những người Cộng Sản.

Người viết một lần nữa trích dẫn câu nói của Mounier như kết thúc cho bài viết: “Đôi khi lịch sử cũng ban thưởng cho những kẻ cứng đầu, và một hòn đá, đặt đúng chỗ, có thể chuyển hướng cả một dòng sông?”

Trí thức miền Nam cuối cùng thì vẫn thiếu một hòn đá, thứ hòn đá có sức chuyển hướng cả lịch sử miền Nam? Điều đó thực sự đã không xảy ra.

Nhưng như đã trình bày ở phần đầu bài viết, người trí thức miền Nam trong mỗi tình huống của thời cuộc liên quan đến vận mệnh dân tộc, đất nước. Họ vẫn có tiếng nói của họ như trong các cao trào đòi hỏi thực thi dân chủ, đòi hỏi công bằng trong phạm vi tôn giáo trong suốt 9 năm Đệ I Cộng Hòa, thời ông Ngô Đình Diệm. Sau đó, các trí thức miền Nam, đặc biệt là trí thức Phật giáo đã đưa ra giải pháp hòa giải, hòa hợp dân tộc, tiến tới hòa bình và chấm dứt chiến tranh giữa hai miền. Trong khi đó, các trí thức thiên tả hay thành phần thứ ba đưa ra một số giải pháp như thực hiện một cuộc cách mạng xã hội không Cộng Sản.

Cho dù rõ ràng là những đòi hỏi đó hay những phong trào đó đã đi đến chung cuộc là sự thắng lợi của miền Bắc trên miền Nam kết thúc cuộc chiến tranh giữa hai miền vào ngày 30 tháng Tư. Cho dù là một thất bại quân sự và chính trị đi nữa thì những giá trị đó, những lý tưởng mà họ nhân danh nó mà họ đòi hỏi vẫn là những giá trị bất biến và cần thiết cho một đất nước Việt Nam tương lai sau này? Cho đến bây giờ, những khát vọng tự do và dân chủ, những khát vọng xóa bỏ bất cứ thứ độc tài cá nhân hay đảng trị, hay toàn trị, những khát vọng về công bình xã hội, những khát vọng về một cuộc cách mạng xã hội cho người nghèo, vì người nghèo. Thiết nghĩ rằng, nó vẫn còn là một khát vọng của đất nước chúng ta bây giờ.

Nếu chỉ căn cứ vào lẽ thua được thì trí thức miền Nam chỉ là những kẻ thua cuộc hay nói trắng ra là những người ảo tưởng chính trị. Nhưng nếu nhìn theo viễn tượng đường dài, ngay trong tình huống của sự thất vọng thua cuộc đi nữa, những khát vọng trên của họ vẫn có thể trở thành chứng nhân của một giai đoạn và trở thành kẻ tố cáo, kẻ tiên tri trong một giai đoạn mới. Ảo tưởng trí thức miền Nam sau 30 tháng Tư, thay vì là một thất bại, bỗng nhiên trở thành một thực chứng, một đòi hỏi cần thiết. (ý của Thái Kim Lan). Chiến thắng đó le lói một chiến bại, vì nó vẫn không đáp ứng nổi những đòi hỏi căn bản của con người là khát vọng tự do, dân chủ, khát vọng sống xứng đáng như một con người theo lẽ một xã hội cho người nghèo và của người nghèo. Nếu hiểu như thế, tiếng nói của người trí thức miền Nam trong 20 năm trước đây vẫn là thứ tiếng nói cần thiết cho những năm sau đó, và nó vẫn là thứ tiếng nói trung thực bao lâu mà xã hội chưa thực hiện được những đòi hỏi, những lý tưởng mà họ đề ra trong 20 năm đó.

NGUYỄN VĂN LỤC

1 Trích lại trong cuốn Phan văn Hùm, thân thể và sự nghiệp của Trần Ngươn Phiêu, nxb Giải Mã, 2003.

2 Trích VietNam crisis. Stephen Pan. Daniel Lyons 1966, trg 89

3 Trích * sáu tháng pháp nạn 1963 của Minh Không Vũ văn Mẫu, in năm 1984. Trích lại trên Giao Điểm

4 Trích *6 tháng Pháp nạn của Vũ văn Mẫu*

5 Xem Tìm về Dân tộc. Lý Chánh Trung. Nxb Trình bày, trg 101

6 Trích Việt Nam, Stanley Karnov, nxb Presses de la cite. Paris, trg 131, 1988.

7 Trích Edward Miller diễm sách cuốn: Diem's Final Failur: Prelude to America's War in Viet Nam. tác gia Philip E. Caton. Lawrence, Kansas, University Pressof Kansas. 2003

8 Nhìn lại những chặng đường đã qua, Nguyễn văn Trung, trg 364. 2000

9 Người trí thức là người có những xác tín (convictions) và cả đời đeo đuổi nó.

Thế nào là một người trí thức? Người trí thức như thế là những người đã được gọi, được chọn lựa, được trách nhiệm, có những thao thức trần trở để trở thành tiếng nói của lương tâm thời đại, tiếng nói của lẽ phải. Tuân theo những điều xác tín đó như lý tưởng đeo đuổi, họ bênh vực lý tưởng đó đồng thời lên tiếng phản kháng những bất công, những chà đạp lên con người bất kể từ đâu tới. Khi một người lên tiếng mà lời lên tiếng như một lời hy vọng, như thấp sáng một căn nhà tối tăm thiếu ánh sáng... Khi một người lên tiếng, xóa tan đi những nỗi sợ canh cánh bên lòng mỗi người. Khi một người bằng vào những xác tín của mình, theo đuổi cuộc chiến đấu chống lại tất cả những áp bức đang đè nặng lên xã hội. Khi một người gửi đi những sứ điệp có chiều kích nhân loại, sứ điệp đó nói lên tình người, tình nhân loại, lòng tin tưởng không gì lay chuyển được của điều thiện, đem lại một ý nghĩa cho đời sống. **Người đó đang ở giữa chúng ta... ta gọi những người đó là người trí thức.**

Lên tiếng thôi chưa đủ, họ còn dấn thân, nhập cuộc, tự xếp hàng vào hàng ngũ những kẻ bị áp bức. Người trí thức là người ý thức được trách nhiệm của mình, có thái độ ứng xử trước một tình thế nhân danh một nguyên tắc, một lý tưởng nào đó chống lại một bất công, một vi phạm đến luân lý hay con người.

Mục sư Martin Luther King trong bài diễn văn đọc dưới chân đài tưởng niệm tổng thống Lincoln tại Washintong DC, vào ngày 28 tháng 8 năm 1963: I HAVE A DREAM cũng là một trí thức. Free at last. Free at last... Ông đã kêu lên như thế vào cuối bài diễn văn của mình. Sau đó thì Martin Luthet King đã chết vì những điều xác tín (convictions) của mình. Martin Luther King là một Mục sư giảng đạo đồng thời là một nhà trí thức.

Những người trí thức trên, họ thường đứng về phía kẻ yếu, kẻ bị chà đạp, kẻ thua cuộc. (lost causes). Nhờ thế họ có một vị thế tinh thần đáng nể (moral authorities), nói thay cho những ai bị hất hủi chà đạp.

Nói tóm lại, người trí thức là người có những xác tín và từ đó, họ bày tỏ một thái độ như một phê phán hay phản kháng tất cả những gì đi ngược lại những điều xác tín của họ. Nếu cần, đi xa hơn nữa, họ nhận lấy trách nhiệm trước con người, lịch sử bảo vệ những niềm xác tín đó trong thái độ dấn thân, nhập cuộc.

Người trí thức không đứng giữa, không lảng nhàng. Trước một tình thế, họ bắt buộc phải chọn lựa, hoặc bên này, bên kia, hoặc tả hoặc hữu.

Nhưng chính do những chọn lựa cá nhân đó biểu tỏ nhân cách và đáng đứng của người trí thức. Người trí thức có ưu tư không thể không bày tỏ, không thể không chọn lựa. Chọn lựa đó sẽ đưa đến thế đối đầu đụng chạm đến các quyền lực đe dọa từ nhiều phía. Họ vẫn không thể không chọn và ý thức được sự chọn lựa của mình.

Cái tội nguyên thủy và đáng nguyên rủa của một người trí thức là thái độ * ba phải *. Cái mà nhà văn Phạm Thị Hoài gọi là* phò chính thống với tư cách quan văn* và * chưa bao giờ chúng ta không như thế*.10. Chưa bao giờ chúng ta không như thế, có nghĩa là người trí thức VN bao giờ, trước sau cũng vẫn là những người đứng về phía hữu, phía kẻ mạnh. Một nhận xét như thế, một đánh giá như thế có bi quan quá chăng về người trí thức VN?

Họ bắt buộc chọn một chỗ đứng. Thường thì họ ngã theo phía tả, phía thiếu số. Người trí thức khuynh tả thường đại diện cho một tầng lớp đông đảo những người có chút ưu tư, trăn trở đến thời cuộc, đến hiện trạng xã hội hoặc đến số phận một dân tộc. Tiếng nói của họ, do vốn liếng học thức, thường có trọng lượng, lập luận có cơ sở vững vàng, lý luận chặt chẽ và thuyết phục. Đôi khi, tiếng nói đó trở thành những phong trào vận động quần chúng có thể thay đổi một dư luận, một đường lối, có thể thành một áp lực, một sức ép trên kẻ đương quyền..

Người ta coi họ như những người trí thức tiên bộ, có tầm nhìn mới hay tầm nhìn thời đại, có lương tri. Họ xé rào, vứt bỏ những cliché của tư duy cũ chậm lụt hoặc phản tiến bộ để đưa ra một đường lối mới, tư tưởng mới.

Họ được coi là can đảm vì dám nói, dám đương đầu với một hiện thực xã hội với cơ chế quyền lực có thể dùng các biện pháp chế tài như bỏ tù, ngay cả thủ tiêu, ám sát..

Tiếng nói của họ dễ trở thành lương tâm thời đại đem lại một chút hy vọng, một niềm an ủi cho những kẻ đang bị áp bức, đàn áp.

Thời nào cũng vậy, ở nơi nào cũng vậy. Hễ có bất công đàn áp, hễ có độc tài là đâu đó có tiếng nói cất lên của những người trí thức.

Nếu nói như thế thì ở miền Nam Việt Nam, sau 1963, nhất là từ những năm 1966 trở đi, đã hình thành một loại trí thức thiên tả, hay còn gọi được là thành phần thứ ba.

Nhưng điều đáng buồn là không phải tất cả các tầng lớp thanh niên trí thức ở Châu Phi, ở Ơ Châu Mỹ La Tinh hay ở một số các nước chậm tiến trong vùng Đông Nam Á như Việt Nam đều có tinh thần dân thân và nhập cuộc như trên. Đa số họ là thành phần được ưu đãi dư giả., theo đòi nếp sống hưởng thụ, sống lấy được, chơi lấy được, thu vén lấy được bằng bất cứ giá nào... Đó là sự phá sản tinh thần toàn diện dẫn đưa cả một thế hệ tụt dốc và trì trệ. **Hậu quả là họ đánh mất hết ý thức về dân tộc, về đất nước, về tình tự con người.** Đó là một sự phá sản tiếm tiến và ngoạ mục, có triển hạn, tùy thuộc vào mức độ gia trọng trong thế chờ đợi chín mùi một cuộc cách mạng xã hội lần thứ hai, sau cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

10 Điển hình là trường hợp các nhà trí thức cách mạng miền Nam như Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Quá, Trần Văn Sĩ bị chết vì kiệt sức hoặc rũ tù.

11 Trích lại trong *Biển cổ* 11-1160, nxb Đại Nam, trg 202. 1971

12 Trích dẫn theo *Việt Nam 1920-1945*, Ngô Văn. Trg 284.

13 Trích Phan Văn Hùm, Trần Nguơn Phiêu. Trg 348

14 Trích Hồi ký 1925-1964. Nguyễn Kỳ Nam. trg 22. Tủ sách Sử liệu VN. Nhà in Nam Sơn.

15 Trích Hồi ký 1925-1964, Nguyễn Kỳ Nam, trg 31.

16 Trích Tạp chí *Cộng sản*, 2-1983, Hà Nội, trg 50. Trích lại trong *Việt Nam 1920-1945*, Ngô Văn. Trg 404.

17 Trích trong *Việt Nam*. Stanley Karnov, trg 120 nxb Presses de la Cité, 1984.

18 Trích *Viet Nam* của Stanley Karnow, trg 123. nxb Presses de la Cité. Paris 1984.

19 Trích *Gọng Kim Lịch sử*, Bùi Diễm, trang 135

20 Tôi tránh dùng những thuật ngữ quen dùng như độc tài, gia đình trị mà sử dụng thuật ngữ mượn lại của Stanley Karnow để ám chỉ chế độ ông Diệm

- 21 Trích Việt Nam Niên Biểu 1939-1975. TậI-C: 1955-1963. Chính Đạo, nxb Văn Hoá, trg 174, 2000
- 22 Trích lại trong Biên cố 11-11-60. Trần Tương. Nxb Đại Nam, trg 136, 1971
- 23 Nous pourrions bien être contraints, dans un avenir pas très éloigné, à.. trouver et à soutenir une solution de rechange...
Trích lại trong Viet Nam của Stanley Karnof. Trg 137.
- 24 Trích lại trong Phản Tinh, Phản Kháng, Minh Võ trang 234, nxb Thông Vũ, 1999
- 25 Trích Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt trận giải phóng. Hồ sĩ Khuê, nxb Văn Nghệ, từ trang 365-369.
- 26 Trích Phản tinh, Phản kháng, Thực hay hư, Minh Võ nxb Thông Vũ, trg 238, năm 1999.
- 27 Trích từ Tạp chí Liên Hoa, số 29-1-1964.. Trích lại trên Giao Điểm. Com/doi thoai I I I / triquang htm.
- 28 Trích Ánh Đuốc Quảng Đức và một vài điều chưa nói về Phật Đản 1963. Chuyển Luân số tháng 05-2005.
- 29 Trích Intelligenece information Cable, TDCS 314/02342-64.Aug.28, 1964. 8p. Confidential/No Foreign Dissem. Sanitized copy. Release May 24, 1976.
- 30 Trích dẫn lại trong Việt Nam máu lửa, quê hương tôi của Hoàng Linh Đỗ Mậu. Hồi ký chính trị. 1988, trg 900.
- 31 Trả lời cho John J.A. Rose.. Trích Bộ mặt mới của nhà Phật, bản dịch của Việt tấn xã, in ronêo, 1973. Trích trong Hồ sơ Hành Trình, bài viết của Lữ Phương, trang 219.
- 32 Trích dẫn bởi Jolie Hicks. Uwec.edu/greiden/BMRB/culture/student.work/hicksr/
- 33 Trích Thái Kim Lan. Hoà Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu
- 34 Trích trong Hồ sơ về Tạp Chí Hành trình, nxb Nam Sơn, không đề số trang. Năm 2000
- 35 Trích trong bài Đọc bản thảo của Nhất Linh của Võ Phiến. Võ Phiến trích lại bài: Nhất Linh, cha tôi, Nguyễn tường Thiết.. đăng trong Văn Học Nghệ thuật, California, Hoa Kỳ.
- 36 Trích Nguyễn Ngu Ý, Sống và viết, Sài Gòn, 1966. trích lại trong bài của Võ Phiến vừa nêu trên
- 37 Trích Dư luận báo chí Thủ Đô. Trong Biên cố 1-11-60. Trần Tương, nxb Đại Nam, 335.
- 38 Trích Việt Nam máu lửa quê hương tôi. Hoàng Linh Đỗ Mậu, 1988, trg 635.
- 39 Dưới đây là lời chứng năm 1946 của Thiếu Tá Têrêyơ, trước kia cai quản banh Côn Nôn, khai trước Ban điều tra về những trách nhiệm ở Đông Dương.* Dưới chính phủ Decoux, có 5000 tù ở ngục Côn Nôn. Trong tháng tôi mới đến thì có 172 người chết, trội hơn chút ít số trung bình người chết trong một năm trước kia. Những tù chính trị khổ sở vô cùng, chịu đựng ít nổi hơn thường phạm vạm vỡ hơn họ. Khám banh 3 dành riêng cho họ, sức chứa mỗi gian khám là 20 người, hoặc 30 người, tôi thấy trong đó đến 110 người, 120, 130 người. Một y sĩ người Đông Dương khai với tôi rằng có khi một buổi sáng, ông thấy 5 xác chết trong banh tù chánh trị. Những người tù chính trị không chịu nổi chế độ ăn uống, họ thuộc trình độ cao hơn người thường phạm, họ là điền chủ, kỹ sư, đốc tờ. Lúc ấy có độ 1500 đến 2000 tù chính trị. Khi tôi đến, vấn đề quan trọng hơn hết là vấn đề tù chết, nhứt là tù chính trị. Họ vong mạng một cách liệt sạp. Họ bị nhốt chen chúc trong các gian khám như nhớp bần thiêu. Họ không được đi ra ngoài, đó thì các ông thấy, về phương diện vệ sanh. Họ có một cái thùng bằng gỗ, người ta xối ụp nước vào đó. 390 người bệnh ia chảy trong banh tù chính trị chỉ có một cái gáo để múc ngay nước ấy, chỉ một người ia chảy rỏ vào nước không trong sạch ấy thì đủ làm cho nó truyền nhiễm. Rồi sáng mai, luôn luôn chúng ta có

thêm số người chết* (G.Chaffard. Les deux guerres du Viet Nam, Paris 1969, tr.115) Trích lại trong Việt Nam 1920-1945 Ngô Văn. Trg 401.

40 Vietnamese Tradition on Trial. 1920-1945 của David G. Marr nxb University of California Press. Trong chương Perception of the past từ 253-287.à

41 Vivre au Viet Nam. Alain Ruscio. EÔditions socilaes. Trg 171. 1981

42 Trích Cách mạng và dân chủ của Lý Chánh Trung. Hành Trình, số 3-4, tháng giêng.1965.

43 Trích dẫn lại trong Việt Nam máu lửa, quê hương tôi của Hoàng Linh Đỗ Mậu. Hồi ký chính trị. 1988, trg 900.

44 Trích Buddha's child. My fight to save Viet Nam. Nguyen Cao Ky với Marvin J.Wolf. nxb St.Martin's Press. New york. 05-2002.

45 Trích dẫn bài: “Nói về các Phong Trào Văn nghệ tranh đấu tại miền Nam từ 1964 đến 1969. Bài của Lê Trương, Giao điểm. Com/mluc/mluc 11105/405 letruong tcs.htm.

46 Xem thêm Chủ nghĩa Xã hội không Cộng Sản tại miền Nam VN thời Mỹ nguy: Nội dung và ảnh hưởng, của Nguyễn Trọng Văn, trích lại trong Hồ sơ về Tạp chí Hành Trình, trg221

47 Trích bài: Nghĩ về một số người trí thức áo tương, bài của Ánh Việt, Trích lại trong Hồ sơ về Tạp Chí Hành Trình.

48 Trích lại trong Emmanuel Mounier. Con người của Đối thoại của Lý Chánh Trung. HT, số 9-1965. trg30

49 Trích Chủ nghĩa xã hội không Cộng sản, thời Mỹ Nguy: Nội dung và ảnh hưởng. Nguyễn Trọng Văn. In lại trong Hồ sơ về Tạp Chí Hành Trình, nxb Nam Son, trg 222. 2000

50 Trích trong Catholiques et bouddhistes au Viet Nam, Piero Gheđo, Groupes des editions Alsatia diffusion 17, trg 366

51 Trích dẫn trong danh sách của Alain Ruscio, trong cuốn Vivre au Viet Nam. Editions Sociales, trg 229. 1981

52 Trích dẫn trong danh sách của Alain Ruscio, trong cuốn Vivre au Viet Nam. EÔditions Sociales, trg 229. 1981

53 Trích lại trong Vivre au Viet Nam của Alain Ruscio. Editions Sociales., 1982, trg 229.

54 Trích trong Vivre au Viet Nam của Alain Ruscio, Editions Sociales, trg 178

55 Trích J.C.Pomonti, La rage d'être Vietnamien, Seuil, 1974, trg 241